

TRİ TÀN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAU LME-HANG

MỤC LỤC

- | | |
|---|------------------|
| * Một đề nghị về văn-học | Hoa-Bằng |
| * Ca dao mới | Có Anh-Đào |
| * Tình tuần quân nhân | Tiên-Đàm |
| * Thời kỳ văn học phôi thai (I) | Kiều-thạch Quế |
| * Nguyễn-Biêu | Nhật-Nham |
| * Một quyển sách nói về Bà Trưng (II) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Ba người thợ cưa mần (VI) | Lê-Thanh |
| * Những ông Nghè triều Lê (XCV) | Ứng-hoè |
| * Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam | Đào-trọng-Đủ |
| * Tài liệu đề định chỉnh những bài vào cổ (LXV) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Đại nam đặt sự (XLI) | Ứng-hoè |
| * Bốn năm trên đảo Các-Ba (bết) | Vân-Đài |
| * An-Tu, tiểu thuyết (XI) | Nguyễn-huy-Tướng |

0 \$ 50



MỘT ĐỀ NGHỊ VỀ VĂN-HỌC

HOA-BÀNG

Khi viết, ta thường gặp cái trường-hợp khó xử này: cách xưng-hô đối với các nhân-vật trong một bài văn hay một cuốn sách.

Đề tôn xưng các bậc tiền-bối, ta thường gọi là cụ, nhưng lắm khi lại kêu là ông, vì thế, sự xưng-hô thường không được nhất-trĩ.

Ví dụ:

Cùng ở một chỗ, nếu ta viết: Ông Đào Duy-Từ, bị các nhà dương đạo Bắc là không cạo thì vì lấy rõ ràng ông là con nhà phượng trêu, nên ông phải phẫn, vào Nam giúp Sài-vương, dựng được công-nghiệp bất tử.

Cụ Nguyễn Công-Trứ vì bạo-đạo trường ốc, đã toan xếp « cung kiếm cầm thư vào một gánh », làm một phen cho « rõ mặt trượng-phu kèn ». Khoa sau cùng ấy nếu cụ không đỗ thì có lẽ cụ đã làm việc như Cao-Bá Quát rồi đó!

Vậy tại sao có sự xưng-hô khác nhau như thế?

Hay cụ, hoặc ông, lắm khi vì vô tình mà ta đã viết sai một cách sai-biệt. Nhưng cái cử xưng-hô sai-biệt ấy, không phải người cầm bút có ý thiên-tư gì đâu chẳng qua hoặc vì cho rằng đó là một sự thường mà không đề ý, hoặc vì ông Đào ở xa đời, đối với ta đã quá xa, nên ta gọi là ông, cũng như ta đã gọi ông Tô Hiến-Thành, ông Lý Thường-Kiệt... vậy. Còn ông Nguyễn ở gần đời, đối với ta,

gần hơn, nên ta gọi là cụ đề tỏ ý tôn xưng. Đó cũng như các nhà tư gia làm giỗ: Giỗ cha thường to hơn giỗ ông, mà giỗ ông lại trọng hơn giỗ cụ. Ấy vì tình thân khác nhau, nên ta mới thân với người thân trước. Nhưng kể lý ra, có cụ mới có ông, có ông mới có cha, sao lại « sai » cụ, « sai » ông mà « phong » cha thì?

Vậy bây giờ ta nên « xử » thế nào cho phải lẽ?

Lối tây có cách rất tiện là đối với các nhân-vật trong chính-giới hay văn-giới này khác, một khi họ đã qua đời rồi, người ta cứ việc gọi tên, không phải kiêng trại gì cả. Người ta lại có những tiếng đại-danh-từ rất tiện là *il* để chỉ về giống đực, *elle* để chỉ về giống cái, thành thử trong sự xưng-hô có cái lịch-thiến bình-đẳng rất quý.

Còn Nhật và Tàu thì có chữ « thị » 氏, cũng tiện. Như nói về Đào Duy-Từ hay Nguyễn Công-Trứ, người ta chỉ thêm một chữ « thị » vào dưới chữ tên là đủ trang-trọng lắm rồi. Kể đó, hề nhắc đến ông Đào hay ông Nguyễn ở trên, người ta bèn dùng chữ « thị » làm đại-danh-từ.

Gần nay, trong quốc văn, có lối dùng họ để chỉ về nhân-vật một khi ở trên đã nói. Như trên đã nói Đào Duy-Từ rồi, thì dưới chỉ cần nhắc lại là Đào cũng đủ. Nhưng khi một nơi là, nếu gặp câu văn trên nói cả hai người họ Đào vào một

chỗ, thì lại khó xử. Ví dụ: « Đào Tiềm là một cao-sĩ đời Tấn, Đào Duy-Từ là một công-thần đời Nguyễn: cả hai đều là những bậc danh nhân của Đông phương ».

Nếu dưới muốn thêm:

« Đào, vì Đào đã biết làm hành được cái sở học. » Như thế ai còn biết là chỉ về Đào thì hay Đào tàu nữa?

Vậy, sự dùng họ để thay thế người ở trên cũng tùy từng trường-hợp mới áp dụng được.

Nay muốn có cách xưng-hô cho tiện trong khi viết thì làm thế nào.

Lối thứ đề nghị:

Đối với những nhân vật đã qua đời, ta nên chép thẳng tên họ, chứ không cần phải kêu là ông hay cụ gì cả. Nếu là phụ nữ thì đã thườn có chữ *thị* để phân-biệt, cũng khó lẫn. Còn tiếng đại-danh-từ để chỉ về người mình vừa nói đó thì nên dùng chữ « thị » (氏) để chỉ về phụ nữ, và dùng chữ *hầu* (侯) để chỉ về đàn ông.

Cứ lẽ:

Đoàn-thị Diêm là tay văn học trứ danh trong đàn nữ học ở ta; nhưng bản dịch *Chinh phụ ngâm* không biết có phải là của thị dịch không, vì từ trước đến nay, ngoài sự truyền tụng ra chưa có chứng cứ gì đủ tỏ là của thị đã dịch.

Phan Huy-Chí tuy có một bài thơ bằng chữ Hán chép trong *Thi am ngâm lục* nói là cô thi *Chinh phụ ngâm*, như vậy (Xem tiếp trang 21)

Ca dao mới

Đam qua tát nước giữa hồ,
Nước non một chiều gấu sông đầy đưa.
Nghĩ thắm lối yêu dào dạt,
Sông dài, bể rộng bao giờ tát nổi

Ngồi buồn gió đến chỉ kim
May chăng vá vá chị em chẳng rời.
Màn trời rách nát ở bờ,
Canh tàn đêm loạn quyết ngồi cho xong.

Con cò lặn lội bờ sông,
Đêm hôm khuya khoắt lạnh lùng lặn thay !
Nặng nề ai hỏi cổ hay ?
Tấm lòng còn quặn chưa cay lá gí :

Kìa ai xe ngựa nghìn-không,
Đêm đông ấm áp trên đường rười rượi !
Kìa ai đồng vọng mênh-mông,
Canh khuya tát nước lạnh-lung gió sương !

Mặt trời giữa biển g động xa,
Trời chiều, gấm nắng, biển như cây ai !
Đã sưa ra kếp anh tài,
Non cao bể rộng đường dài quá chày !

Ngồi buồn gió sắc xem chơi,
Xem trong vòm (đ) xem người ngàn xưa,
Xem trong thế sự cuộc đời :
Lợi danh xư ở như giờ hay không ?

Đua chen lạnh lữ trong vòng,
Kể vưa ra khỏi, ngửa mong bước vào.
Công hầu khanh tướng, xôn-xao
Chẳng qua một giấc chiêm bao đêm dài !

Mơ mờ dưới bóng trăng lảnh,
Hui hui gió thổi buồn tanh sớm dài...
Là là phảng-phất hồn ai,
Hay hồn trăng sĩ ở nơi chốn trường ?

CƠ ANH-ĐÀO

TÌNH THẦN QUÂN NHÂN (1)

TIÊN-ĐÀM

Trong bài sử của Tống Cao sang sứ nước ta vào đời Tiền Lê (2) có chỗ quân ta :

« Đồ binh khí chỉ có cung nỏ, mộc búa, giáo gỗ, giáo tre, yếu ớt không thể dùng được ! ».

Lại trong tập kỷ hành của người Âu tên là Pierre Poivre khi đến thăm chúa Võ-Vương nhà Nguyễn (3) có ghi :

« Lĩnh (Việt-Nam) lương bổng không có là bao và ăn uống kham khổ việc binh không được người nước hoan nghênh ». Ông Poivre lại chêm thêm : « chính mắt trông thấy hai người thanh-niên cõ mang gông, đó là lính mới mộ. »

Nếu căn cứ vào những nhời phê bình trên thì binh lực Việt-nam không ra gì và binh chế cũng không có qui định.

Sang, tức thay ! Người ngoại quốc từ xa đến, mắt thấy, tai nghe được việc gì vội biến ngay ra, trong lòng vốn có thành kiến nên những nhời ghi lại cũng thành ra thiên vạy.

Ta cũng không cần cải, chỉnh chỉ giữ lại những trang kiến thức của quốc sử Việt-nam, ta sẽ nhận thấy quân nhân của ta hồi xưa sẽ ở cự Tống, binh Chiêm, trớ Nguyễn, đánh Minh, phá Thanh đã có một tình thần rõ rệt, cái tình thần ấy qua các đời chỉ thấy cổ kết và phát hiện ra bằng nhời nói, việc làm và cả ở những từ, chương nữa.

Từ ngay triều Lý nhân Tống (1072-1127) nhà Tống đem binh

sang đánh, thế mạnh như hổ dữ ; tháng chạp năm Đinh thìn (1076) quân Tống vào địa hạt nước ta nhà vua sai Lý Thường Kiệt (4) đem binh cự địch.

Lý Thường Kiệt đánh chặn quân Tống ở sông Như-Nguyệt (tức sông Cầu bây giờ) quân Tống thua, chết trận hơn 1000 người. Chiêu thảo sứ Quách Quát dẫn quân về đóng ở phía Tây sông Phú lương, Thường Kiệt lại đem binh thuyền đón đánh ngan không cho quân Tống qua sông. Quân Tống mới chặt gỗ làm mấy bản đá sang như mưa, thuyền của ta cũng mất nhiều, quân sĩ chết mấy nghìn người. Lúc bấy giờ quân Tống đánh hăng lắm, Thường Kiệt lật sức trống giữ nhưng sợ quân mình có ngã lòng chẳng, bèn đặt ra một câu chuyện nói rằng có thần cho bốn câu thơ : « Nam quốc sơn hà nam đế cư, Tiệt nhiên định phận tại thiên thư, Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư ! »

Quân lính nghe đọc mấy câu thơ ấy ai nấy đều nức lòng đánh giặc, quân nhà Tống không tiến lên được (5).

Bốn câu thơ trên nào chắc đã phải thề cho, biết đâu không tự Lý thường Kiệt đặt ra và biết đâu không phải đây là tình thần của non sông, đất nước, đã làm cho lòng quân hăng hái, nức lòng mà trống giặc !

Thế nước còn lúc nào nguy hăng triều nhà Trần, khoảng các

đời Thái Tông (1225-1258) Thánh Tông (1258 — 1278) Nhân Tông (1279-1293) quân Mông Cổ kéo sang đây đông chật đất, ào-ào như gió bão, cuốn-cuốn như nước triều, nhà vua hai phen bỏ kinh thành Thăng Long, ra giá chạy vào Thanh hóa, thế nước « ngất ngưỡng như trứng trứng » vua tôi nhà Trần đã có lúc muốn hàng nhà Nguyên để cứu lấy trăm họ, nhưng quân dân buổi ấy đều nức lòng đánh giặc. Hội nghị Diên Hồng là một hội nghị chưa từng có trong lịch-sử, thái độ cương quyết của Hưng-dạo-Vương, Trần-quốc-Tuấn : « Nếu Bệ-hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã rồi sau sẽ hàng ! » đều là những cử chỉ tỏ rõ cái tinh thần cũng cố lúc ấy vậy.

Rồi cũng ông Tiết chế ấy khi sắp ra quân trống Nguyễn đã phủ dụ quân sĩ : « Bản chủe phụng-mệnh Thống đốc quân-sĩ ra phá giặc. Các Vương hầu và các tướng sĩ ai nấy cần phải giữ phép tắc, đi dân không được nhiều dân và phải đồng lòng hết sức đánh giặc ; chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thần, các người phải giữ »

Tuột là những nhời vàng đá đó tám can, phổ phổ phát ra ! Nhưng cũng chưa đủ ! Lại phải có hai chữ « sát thát » lại phải thêm bài hịch tướng sĩ mới cả phá được quân Nguyên, làm cho Mông-Cổ kinh hồn, táng đởm.

Như thế đủ tỏ rằng, khi quan tướng hết lòng, ba quân hợp sức thì dù quân hách chiến bách thắng (như Mông Cổ đã từng giết sạch các nước châu Âu châu Á, cũng khó lòng chống nổi).

Có tài năng như thế làm gì không có lý học, nghệ thuật, nghề không hàng giã.

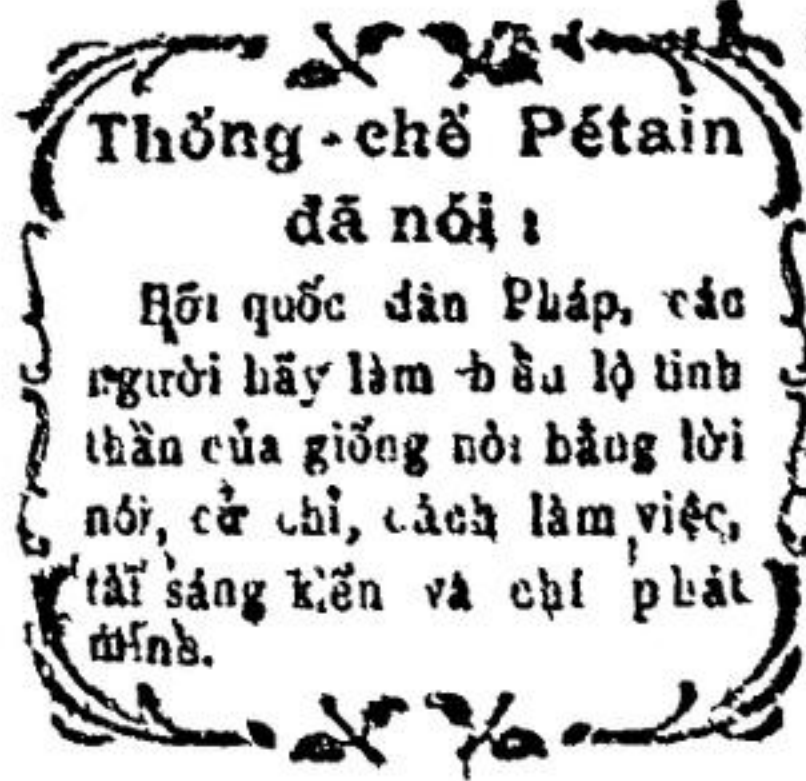
Trong trận tị vua ở bãi Dạ mạc (về khu sông, Thán mạc, huyện Đông yên, tỉnh Hưng yên) tướng nhà Trần là Trần Bình Trọng bị bắt. Thoát Hoan thấy là viên tướng tướng giỏi, muốn dụ về hàng, thiết đãi, cho ăn uống, nhưng Bình Trọng không ăn, đồ đánh hỏi việc nước, Bình Trọng không trả lời, sau Thoát Hoan hỏi: "Có muốn làm Vương đất Bắc không?" Bình Trọng quát lên: "Tá thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm Vương đất Bắc!" (8) Không khác thay câu giã "nội" và "liệt nghĩa" thay Trần Bình Trọng.

Những bài thơ bất hủ của Trần Quang Khải của Phạm Ngũ Lão (7) đều tỏ ra chí khí của các tướng nhà Trần. Nhân tài như thế, văn chương như thế, làm gì không thành công! Đó là một thời oanh liệt còn ghi trong sử sách.

Lại lúc nào nhục nhã cho bằng lời thuộc Minh, các quan Tàu thì bả khắt, gian ác mà một người dám đứng lên phát cờ nghĩa; mười năm khó nhọc bình định non sông, gây thành cơ nghiệp nhà Hậu Lê.

Chỉ một bài cáo Bình Ngô của nhà danh nho Nguyễn Trãi đủ bao hàm tất cả sự nghiệp oanh liệt của vua Lê Thái Tổ (1428-1433) và lòng dũng cảm của quân nhân đời ấy.

Lê Lai thay áo chịu chết cho chừa, quân sĩ ba phen thất bại



lui với Ghi Linh không sao là n mất tinh thần của quân nhào mà chính lại giúp vua Lê Thái Tổ lập nên lên đại định.

Vua khai sáng thì thế, đến đời Thánh Tông (1460-1479) nhờ cải tinh thần quân nhân ấy mở rộng bờ cõi về năm mà trong buổi họp quân quân định việc giao thiệp nước ngoài, nhà vua đã băng hải mà bên ngoài tâm huyết: "Ta phải giữ gìn cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy một phần núi, một tấc sông của vua Thái Tổ để lại."

Tinh thế bối rồi lại thấy trên ra dưới trều vua Hòa Tông (1740-1786) trong thì nội loạn, ngoài thì nhà Thanh dòm ngó. Thế mà một người áo vải, khởi từ binh dân, đã đứng lên cùng thủ hạ phần đông dân gian, Quảng, rồi hai phen xông ra Bắc, lần thứ nhất lấy nghĩa tôn-phù, lần thứ hai phá 20 vạn quân Thanh để đánh dấu ở sử sách một võ công độ nhất.

Người ấy là Nguyễn Huệ - hay Quang Trung đế - người ấy trong buổi dượt binh đánh Thanh ở Nghệ an đã nói những gì?

Tại đây, sử sách còn ghi: Quang uó sang puen này là

omh... này thân coi việc quân, đánh dữ đã địch mẹo rồi, đuổi quân Tàu về (xem tiếp trang 71)

(1) trích ở cuốn "Lược Khảo binh chí Việt Nam" đang in.

(2) xem bài "Nước Nam ta về đời Trần Lê" của cụ Ông Hồ Nguyễn-Dữ-Tổ - Tri Tân số 3 ngày 17 Jân 1941 (trang 9).

(3) Nguyễn văn: Les soldats sont mal nourris et très mal payés. Le service militaire est très mal accueilli. Poivre note avoir vu un cortège de deux jeunes gens la cagno au com, se soi les recrues (Religion de voyage de P. Poivre en Annam 149-1750).

(4) Lý Thường Kiệt người phương Thái Hòa, huyện Thọ Xương Hanoi (tức là phố hàng Bạc là một viên danh tướng nhà Lý).

(5) thuật theo Việt Nam sử lược của T. T. Kim.

(6) thuật theo Việt Nam sử lược của T. T. Kim.

7 - Thơ của Trần Quang Khải
Đoạt sào chương dương độ
Cầm Hồ Hồn từ quan
Thái bình nghị, ở lực
Vạn cổ thời gian sơn
Dịch

Shuang dương cướp giáo giáo
Mâm từ bít quân Hồ
Thái bình nên gắng sức
Non nước ấy nghìn thu
Thơ của Phạm Ngũ Lão
Hoành sào giang sơn cóp kỹ thu.
Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu
Vạn vật lệ công danh trát
Ta thình nhán gian thagết vũ Hâm
Dịch

Ngưu giáo non sông trái mấy thu.
Ba quân hàng hổ át sao Ngưu
Công danh nên để chờ vương rợ
Lưỡng thẹn tai nghe truyến Vũ Hâm.

Cuộc tiến-hóa văn-học Âu-châu

I) THỜI KỲ VĂN HỌC PHỐI THAI

KIỀU-THANH-QUẾ

Trong tất cả các môn nằm trong phạm vi nghệ thuật, Hegel chỉ cho thơ ca là cao hơn cả. Theo ông, thứ mỹ thuật nào lấy vật chất làm cơ sở nhiều thì sự trau dồi phẩm giá xuống; Kiến trúc là thứ nghệ thuật kém phẩm giá hơn hết, đối lập với thơ ca là một sản phẩm nghệ thuật cao hơn hết. Hegel phân biệt cao thấp như thế này: Kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, rồi mới đến thơ ca.

Thơ ca lại nằm trong văn học. Do đó, ta có thể viết hai cái định thức này:

Văn học = nghệ thuật (sự tưởng + tình cảm) và tự.

Thơ ca = sự tưởng + tình cảm.

Thơ ca sở dĩ phát xuất được là do tánh tình nồng bột của cá nhân; bởi thế cái cơ phát sanh khả năng của nó phải có rất sớm trong thời kỳ văn học phối thai.

Nhà danh sĩ Đức Macken làm sách Văn học nước tiến hóa, đề bảo: « Thơ ca xuất hiện rất sớm ». Các nhà xã hội học, tâm lý học đại danh trên thế giới, sau lắm công trình nghiên-cứu, cũng đều kết luận rằng: Văn học là đời thủy bằng vận văn. Cứ lấy dân chúng này mà suy tất rõ:

Dân Âu-châu hiện nay còn trong vòng bán khai, ấu lũng

ở lỗ, tuy văn tự, chưa có mà vẫn có thơ ca khẩu truyền. Mà chẳng phải riêng gì dân Âu châu, dân-tộc nào trong thời kỳ bán khai cũng bộc lộ tâm tình bằng thơ ca khẩu truyền. nó được mạng-danh là *ca dao*!

Haeckel dạy; cứ nhìn cử chỉ, lắng nghe ngôn ngữ của đứa bé mà suy diễn.

Đứa bé chưa biết nói, gặp khi vui sướng quá, thường phát ra cửa miệng những tiếng trầm bổng như tiếng chim kêu hay lời ca hát. Đứa bé trong thời kỳ chưa biết nói, khác nào loài người trong buổi bán khai.

Ca dao rồi biến-thể thành thơ ca. Chẳng thế sao nhiều bình giả Việt-nam dám bảo thế *thơ lục bát* là do thể *ca dao* mà ra?

Đến khi đã có thơ ca, tức là đã đến thời kỳ văn học thành văn, tức là đã đến lúc loài người biết dùng chữ để ghi chép nỗi lòng.

Từ buổi văn học phối thai đến lúc văn học thành văn, được bao nhiêu năm? Đó là thuộc về đoạn lịch sử dĩ tiền: không tính được, mà cũng không phỏng định được.

Còn từ khi văn học thành văn đến nay, đã bao nhiêu, thế kỷ, bao nhiêu biến cố đi qua rồi?

II) Sự trào văn nghệ

Từ khi mới biết ghi chép ca dao, truyền thuyết đến khi biên tập được những bộ sách thảo luận về kinh tế, chính trị, tiết tục, tình thân nhân loại, trải qua được bao nhiêu chặng đường tư tưởng, văn nghệ rồi?

Con đường diễn tiến diệu vợi của văn nghệ được quan-niệm văn tất trong thuyết « Hai H, bốn R. »

Hai H; tức là chủ nghĩa Hy-bá-lai (Hébraïsme), và chủ nghĩa Hy-lạp (Hellénisme).

Bốn R: tức là Văn nghệ Phục hưng (Renaissance), Tôn giáo Cải cách (Réforme), Hiệp lý-hoá chủ nghĩa (Rationalisme), Cách mạng chủ nghĩa (Révolution).

Mỗi chủ nghĩa trên đây là một chặng đường tư tưởng, văn nghệ của một loại trập văn học sử, trên lịch sử văn minh, sở dĩ có là do biến thiên đường nhiên của thời đại mà ra.

Những chặng đường tư tưởng, văn nghệ ấy được mạng-danh là *sự trào văn nghệ*. Tùy theo trình độ tiến hóa của loài sinh, tùy theo biến thiên của xã-hội, một sự trào văn nghệ có khi dài đến mấy thế kỷ, có khi ngắn chừng năm ba chục năm.

Từ thời kỳ *đạo bử* (2) của xã hội cổ đại đến thời kỳ *đạo ca*

của xã hội thị tộc, xã hội 7000 năm.

Từ thời kỳ tạc ca của xã hội thị tộc đến thời kỳ thần thoại, truyền thuyết của xã hội nông nghiệp, gần 4000 năm.

Từ thời kỳ thần thoại, truyền thuyết của Hy-lạp, La mã đến thời kỳ văn học của hơn 2000 năm.

Một khi nhân loại tiến hóa, thời-biểu của tư trào văn nghệ tự nhiên ngắn lại. Vì thế:

Thời kỳ văn học của hơn 2000 năm.

Thời kỳ Văn nghệ Phục hưng chỉ có 200 năm.

Chủ nghĩa Cổ điển (classicisme) sống có 100 năm, và chủ nghĩa lãng mạn (romantisme) sống có 50 năm mà thôi!

Từ thế kỷ XIX đến nay, nhân khoa học cơ khí phát triển, loài người tiến bộ mau, xã hội biến đổi lạ, văn học phát triển chóng, tư trào văn nghệ không còn được bao nhiêu thời hạn.

Văn nghệ bước những bước tôn phóng!

Từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã hội (réalisme socialiste) rồi bước sang văn chương tranh đấu thấm thoát không đầy 100 năm!

III) Thời kỳ văn học quý tộc

Văn nghệ Âu châu khởi thủy ở Hy-lạp, đã nhập sang La mã để hóa ra một thứ hướng lạc chủ nghĩa (dilettantisme) của phái Quý tộc (Noblesse). Hoàng đế La mã và phái Quý tộc lại hống tàn bạo ngược, chuyên chế như dân, khiến quần chúng sanh ra bị quái, yếm thế.

Trong lúc nhưn dân đang ngậm cay nuốt đắng, Hy quyền

của Cơ đốc giáo (Catholicisme) lại lãng-bức cả nhân. Ca nhân mất cảnh ngộ-tin ngưỡng.

Nhưng rồi, đế quốc La mã mất hết thanh thế dần đến phúc vong!

Toàn cõi Âu châu lọt vào thời đại phong kiến (féodalité) của các xê-quân chủ, hằng xung đột nhau gây nên họa chiến tranh dằng dằng thảm khốc.

Trong xã hội Âu châu, bấy giờ có thêm giới cấp nông nô và thi dân. Giai cấp này bị áp bức đủ đường, từ tình hình đến vật chất. Phần chi quá, tình thần cá nhân bị áp bức vì tôn giáo, thích thần bị chướng siêu hình.

Trong văn học giới Âu châu chủ nghĩa cảm dục (affectisme) của Cơ đốc giáo lại có cơ đồ thịnh. Tư tưởng giới qui về Hy-bá-lạp chủ nghĩa. Văn minh toàn cõi Âu châu nép mình dưới quyền thống trị của Cơ đốc giáo.

Nền tảng văn hóa Tây do đó phải tiêu tan. Nếu nguy cơ này cứ tồn tại mãi, văn hóa Âu châu chắc không được khả quan như ngày nay.

Nhưng lại khởi lên thời kỳ Thập tự quân (Les Croisades)

Sau thời kỳ này, trên thương trường, nổi lên một lực lượng hoạt động trong đại. Nhiều đồ thị tru phú thì nọu thà lập. Trong xã hội, giai cấp tư sản nhân nhất thời có thanh thế. Nó yêu cầu hai giai cấp Quý tộc (Noblesse) và lãng tử (Clergé) phải bỏ bớt những quyền độc đoán. Ngoài ra, nó còn rất bất mãn đối với quốc sanh hoạt bấy giờ, vì nó đang thêm

nhộn cảnh sanh hoạt tự do của dân thị dân, dưới chính thể dân chủ La mã, Hy-lạp.

Một xung đột đối với văn minh La Hy bắt đầu dấy khởi trong đầu óc cá nhân. Những công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa của La Hy đều được nghiền cứu sâu tìm lại.

Giai cấp tư sản nhập vốn chẳng sung kính Cơ đốc giáo, muốn lập lại cái thế giới mỹ lệ và tự do của văn hóa La Hy thời xưa.

Thời kỳ Phục hưng do đó xuất hiện. Tư trào văn nghệ Phục hưng truyền đi rất nhanh chóng trong toàn cõi Âu châu, rồi đi qua như một trận cuồng phong!

Giai cấp tư sản nhân trở lại bắt tay với hai giai cấp Quý tộc và Lãng tử, hợp thành giai cấp thống trị. (Còn nữa)

KIỀU THANH QUÊ

ĐA CƠ BẢN

HOA MỘNG

của TƯỜNG VÂN

1) Thơ làm (có nhiều bài độc thoại, thơ ca, từ khúc v.v.)

2) Thơ dịch (có mấy bài đương thời viết bằng bút lông rất tốt)

3) Thơ dịch Pháp văn (lưu những bài tuyệt tác của Lamartine, Victor Hugo, Alfred Assolant, Baudelaire, Verlaine, Paul Iqouine, Regnier, Maeterlinck, Gessé de Nijelles, v.v.)

Ông Nguyễn trãi-Ly tại riêng chủ ý đến phần này mới khen thích-giả (xem Tao Đàn số 13-1939) có tài viết-hóa văn chương Pháp như bà Nguyễn-biêm (Ji h Chinh-phu-Ngim) có tài viết-hóa và chuyển-giải.

Mi muốn xem bài này xin gửi tem 0,10 cho Kiosque Thanh-Tao-Vinh.

Hội « Hoa-Mộng » ở các hiệu sách lớn.

NGUYỄN BIỂU

KHẬT-NHAM

Nguyễn Biểu người làng Bình-hồ (nay là Yên-hồ), huyện Chi-là (nay là La Sơn) đồng-lý với phủ Đức-tô, tỉnh Hà-tĩnh, làm chức Điện-hiến thị-ngự-sử, theo vua Trưng-quang (Trần Quý Khoáng 1409-1413) lo việc khôi-phục, chống lại quân Minh mong dựng lại cơ nghiệp cho nhà Trần.

Tháng 4 năm Quý-tỵ (1413), Trương Phụ tiếp quân vào Nghệ-an đánh Trại-quý-Khoáng. Bấy giờ, quân Quý-Khoáng chỉ còn một phần ba mà lương thực lại cạn, thế cùng, lực kiệt phải bỏ chạy vào Hòa-si-âu.

Trương Quý-Khoáng đã mấy lần sai sứ sang Tàu cầu phong, nhưng Minh đế không thuận, lại truyền giết cả sứ giả. Nay vì thế cấp bách, Quý-Khoáng phải sai Nguyễn Biểu ra cầu phong với Trương Phụ.

Trước khi khởi mệnh, Nguyễn Biểu được vua Trưng-Quang tặng một bài thơ bằng quốc-hán:

Mấy vần thơ từ ngời hoàng-hoa,

Trịnh-trọng rày nhún dưng khúc ca.

Chiết phượng mười hàng to cấn kẻ,

Vó cưỡi ngàn dặm tuyết xông-pha.

Tang bồng đã bắm lòng khi trẻ,

Khuong quế thêm cay tính tuổi già.

Việc nước một mai công ngộ vẹn,

Giao-lân danh-tiếng đợi lâu xa.

Nguyễn-Biểu họa theo nguyên-vận:

Tiếng ngọc từ vầng trước bệ hòa,

Ngóng tai đồng vọng thủa thi ca.

Dường mây vô kỷ lần lần trải

Ai tuyết, cớ mao thức thức pha.

Há mọi cung tên, lòng chỉ trẻ,

Bội mười vàng sắt đức gan già.

Hồ minh và thiếu tài chuyên đối,

Dịch-lộ ba ngàn dặm ngại xa.

Nhà làng Nguyễn Biểu ở ngay bên cạnh Phán-sơn là nơi hành-doanh của Trương-Pụ, Nguyễn từ Hóa-châu ra, rõ rõ về thăm làng,

bái-yết tổ tiên, rồi mới đến hội-liên cùng Trương-Pụ.

Khi tới trước mặt Trương-Pụ, quân Minh bắt Nguyễn quý-lay.

Ông cứ đứng trơ trơ, nhất định không chịu nhục, Trương-Pụ vốn

nghe tiếng ông là người cương-trực, muốn nhân dịp thử lòng ông,

bèn sai nấu chín một chiếc sọ người, đặt lên mâm mời ông ăn.

Ông không ngẩng ngại, ung-dung, cười và nói rằng:

«Bà mấy kẻ người Nam được cái vinh-hạnh ăn đầu người Bắc».

Nói xong, ông cầm đũa, khoét hai con mắt, chắm vào rằm, rồi

nuốt một cách ngon lành. Đối diện mâm đầu người, ông lấy làm

khóá-bát, nhân cảm khái ngâm vài câu:

Ngọc-thiện, đản tu đã dả mũi,

Gia hào thêm có cớ đầu người,

Nem cuống (1), chắt phượng cộn thua báo.

Thịt gù (2), gan lộn chằng kèm tươi.

Ca lời độc-mình so cũng một,

Vại bầy thỏ lử hội hờn hờn.

Khà-khà ngón ngọt tày-bòai lộn,

Tráng-sĩ như Phán-sơn, hăng-giờ đời.

Trương-Pụ thấy Nguyễn-Biểu là người có khí-phách, trông lòng

rất cảm phục, lấy lễ-dai-ông và cho ông về.

Ông mới ra về tới cầu Lam (4)

thì có quân đuổi theo, bắt phải trở lại.

Nguyên vì Trương-Pụ nghe nhớt xém-minh của Phan-Liên là

con Phan-Quí-Hưng, người làng Bàn-thạch, huyện Thạch-hạ (Hà-tĩnh),

làm quan-Thập-nội ở phủ Hậu-Trần.

Phan-Quí-Hưng, ra hàng nhà Minh được mấy hôm thì mất

Trương-Pụ, cho người con là Phan-Liên làm tri-phủ Nghệ-an.

Phan-Liên muốn được lòng Trương-Pụ luôn luôn sẵn sàng

với Trương-Pụ như hình-binh-thế bên.

Quý-Khoáng, những người giỏi những nơi hiểm-hố để

Trương-Pụ dễ-phòng.

Hôm ấy ai Phan-Liên thấy Trương-Pụ, cha của Nguyễn-Biểu về, vội vàng cản Trương-Pụ.

— Người ấy là một kẻ hào-kiệt nước Nam.

Nếu muốn lấy nước Nam mà tha người ấy, thì

bao giờ cho xong công việc?

Trương-Pụ cho là phải, vội vàng cho người đuổi theo bắt

Nguyễn-Biểu trở lại, lấy cớ là Nguyễn-Biểu phạm tội tử-bất.

Nguyễn-Biểu quý xuồng-lay, cũng như lần trước, Nguyễn-Biểu sẵn sàng không chịu, khước-Nguyễn

giận mắng Trương-Pụ rằng: — Chúng bay bề trong thì tìm

mặt thì giả đường nhân - nghĩa đem quân đi đánh dẹp. Trước thì hứa lập con cháu nhà Trần, sau lại chiếm đất quận, huyện, cướp tài-hóa ức hiếp sinh-dân. chúng hay thực là đồ hung ngược!

Trương-Phụ tức giận, trước đem ông trời dưới cầu Lam trước chùa Yên-quốc, chờ cho nước thủy triều lên, rồi ông chết ngay.

Ông cứ luôn miệng mắng chửi Trương-Phụ. Trương-Phụ chờ ba ngày không thấy nước thủy triều lên, giận quá, sai cỡi trời, dẫn ông lên trước cửa chùa Yên-quốc, đánh đến chết mới thôi. Trước khi ông được cỡi trời, ông đã đoán đến cái kết cục của đời ông, nên có đề mấy chữ ở cầu:

Thất nguyệt sơ nhất nhật

Nguyễn Biền tử

(ngày mồng một, tháng bảy, Nguyễn Biền chết)

Nguyễn-Biền mất rồi, Trương-Phụ lấy hậu-lễ cho đưa đi chôn và tang ở làng. Vua Trưng-Quang rất lấy tâm thương tiếc, cỡi làm bài văn-tế sau này bằng chữ nôm:

Tuan rằng;

Sinh sinh, hód hóa, cơ huyền
cạo mờ mờ,

Sắc sắc, không không, bực hồng
trần phôi phôi

Bất cộng thù, thiên địa chứng
cho;

Vô cùng hận, quỷ thần tởn vớ!

Nhớ thừa Tiên-sinh: cớ gì
mão trái, chằm chằm ở ngó!

Đãi gần, đánh làm tội đã đề
ngân dòng;

Tôi khi Tiên-sinh: xa góc vó
cơm gạo bằm chẻ cán cợ vớ,

Bỗng trời gió mòng, bực nờn nổi,
Đời linh thiên, Hồ-lặc chín
hầm,

Gan thiết-thạch, Tô công dễ đổi.

Quan - Văn - Trương gặp Lê
mông, dễ xa cơ ấy, mông thấy

chữ: « phệ là há cấp », dạ
những người người:

Lưu-Huyền-Đức giận Lạc-Tôn,
mạnh trả thù này nghĩ đến

câu « thương đảm bất vong »,
lòng thêm dỗi dỗi.

Sầu kia khôn lấp cạn dòng?
Thảm nọ dễ xây nên núi.

Lấy chi báo chươg hậu-đức,
rượu kim-lương một lọ, với

với mượn chực ba tuần;
Lấy chi ủy thừa phươg hồn,

văn dụ-lê, mấy câu, thăm thăm
ngổ thông chín suối.

Đứng trước cái chết khảng khái
của ông, vị sư chùa Yên-quốc

làm bài kệ sau này bằng nôm để
tặng cái chi-kết, làm trung-

thành của người nghĩa liệt:

« Chối chối một vòng tuệ nhất;
ùn ùn mấy đời từ vớ.

Tam giới soi hờ trên dưới;
thập phương trải khắp xa gần.

Giải thoát lần lần nghiệp -

chươg; quang khai chốn chốn
mê-lân,

Trần-quốc xây vừa mặt - tạo;
sư-hoa bỗng có trung-thần.

Vàng đức lòng son một tấm;
sở rên tiết cũng mười phần.

Trần kiếp vì đâu oan - khổ,
phương-hồn đến nỗi trầm luân!

Tế độ dạn kẻ từ phật; chán-
liệt ngộ được phước-thần.

Sau khi đánh tan giặc Minh
vua Lê Thái-Tổ sai lập đền thờ

Nguyễn-Biền tại thôn Nộ - diên,
xã Yên-hồ, huyện Lê-xoa, phủ Đức-

Thọ (Hà-tĩnh) và phong là nghĩa
hiệt, hiển-ưng, uy-linh trợ thuân

đại-thần.

Đền thờ thường gọi là « Nghĩa-
vong từ ». Từ này, khởi hương

vãn cớ nghĩ nghĩ.

Trong Việt-sử tổng-pinh, vua
Tự-Đức khen Nguyễn-Biền bằng

mấy câu thơ sau này:

(Xem tiếp trang 13)

(1) Nem công,

(2) Thút gĩa.

(3) Phàn-khoải là một vị Trung-thần của Hán-cao tổ bên Tàu.

(4) Cầu đặt trên sông làm-gang

ĐA PHÁT HÀNH:

1 - QUANG TRUNG (TẬP II)

của HUY-BANG HOANG-THUC-TRAM

Giá: 8\$00

2 - THƠ NGŨ-NGÔN LA FONTAINE

của CACH CHI phiên dịch

by Ông-hồ Nguyễn Văn-Tổ đã tựa:

«... Những cái hay ấy ông Cách-Chi đã dụng công
« phiên dịch, viết hay rằng nghệ-dịch nào giờ cũng khó,
« nhưng dịch được như thế này đã là thế là làm.»

Giá: 2\$00

Nhà xuất bản:

TRINH-NHƯ-LUAN

121, Chancéaulnié - Hanoi

Một quyển sách nói về Bà Trưng

(bài nói)

Ông-bà NGUYỄN-VĂN-TÔ

Ký trước tôi đã nói những chỗ sai lầm ở trong bài tự luận của ông Nguyễn Tế Mỹ. Kỳ này sẽ đến phần thứ nhất là phần nói về «viễn nhân của cuộc khởi nghĩa», thì trang 20 có câu: «Bất cứ ở nước nào chế độ mẫu hệ cũng có trước chế độ phụ hệ». Tác giả hó quả quyết như thế, có lẽ không đúng: đã gọi là nước thì phong tục mỗi nơi mỗi khác, trình độ không giống nhau. Trong bộ «Bách khoa tự điển» (*La Grande Encyclopédie*, q 16, tr. 4149) ở đoạn mẫu hệ có một câu nói rằng: «Ông Laftau đã chứng minh hẳn rằng thời mẫu-hệ chưa có gia đình» (*Laftau montre bien que la famille n'existe pas encore dans le matriarcat*). Mà xem đến sử Nam ta thì từ ngày lập quốc đã có gia đình rồi: «Vua Thủy tổ là Kinh-dương-Vương (2879 trước T. C.) là con thứ Đế-Minh bên Tàu. Nguyên Đế-Minh đi tuần-thứ đến Ngũ lĩnh, lấy Vụ-tiên làm vợ, sinh ra Lạc-Tộc, rồi được thông-minh, Đế-Minh muốn truyền ngôi cho, Lạc-Tộc từ chối, Đế-Minh bèn phong làm Kinh-dương-Vương, cai trị phương nam». Rồi rằng có vợ chồng, có cha con, không có một hình-ức gì gọi là mẫu-hệ. Nếu lúc ấy còn ở thời mẫu-hệ, thì Vụ-tiên là vua, chứ không biết Đế-Minh là ai cả. Thế là dân ta ngay từ khi bắt đầu lịch sử nước đã có gia đình, đã có phụ quyền như ông vua thứ hai của nước

ta, là Hùng-Lãm, tức là Lạc-long-Quân lấy con gái Đế-Lai bên Tàu, tương truyền sinh ra trăm con gái (?), sau hai vợ chồng chia con một nửa theo cha về bên một nửa theo mẹ về núi, để người con trưởng nối ngôi, cai trị trong nước, đời đời cha truyền con, con, đến 18 đời đều gọi Lạc-vương (xưa nay quen gọi Hùng-Vương). Nếu đặt là mẫu hệ, thì không khi nào sách chép «cha truyền cho con» như thế chữ nho là «Phụ truyền tử».

Vẫn biết rằng bộ Đại-Việt sử ký toàn-thư q 1, tờ 53, có chữ «mẫu vị quan-trưởng» nghĩa là «mẹ làm vua». Nhưng đây là lời bèn của sử thần Ngô sĩ Liên nói «có lẽ như thế» chữ nho là «lý hoặc sử nhiên», chứ không phải là có thật như thế. Nếu vào vào mấy chữ ấy mà cho vào thời mẫu-hệ, thì sao sử không chép bị Âu-Cơ nói vua Lạc-long làm vua nước Nam, mà lại chép «Lạc-Vương là con vua Lạc-long, gọi tên nước là Văn-lang, đóng đô ở Phong châu, chia trong nước làm 15 bộ». Nói tóm lại cứ theo sử chữ nho thì dân Nam ta từ khi đã thành nước, không có thời nào gọi là mẫu-hệ cả.

Từ trang 40 trở xuống ông Mỹ nói theo sử, nhưng cũng gáo thuyết nọ thuyết kia, làm lẫn lộn nhiều lắm. Như trang 46 có chữ «Từ nghĩa hầu Quý» oán chữa làm «Tri-nghĩa-hầu tên là Quý». Trang

50 có chữ «Hán-Lưu-Tử tức Hán-Quang-Vũ» cũng lầm, chính tên Quang-Vũ là Lưu-Tử Trang 51, ông Mỹ nói: «Phụ này giúp Li h-Quang truyền bá văn-nóa lệ quyền, quân chủ của Trung-Quốc...». Câu này không đúng vì sử chữ nho chép rằng chính từ đời ông vua thủy tổ (Kinh-dương-vương) nước ta đã có phụ-quyền (chữ nho là phụ đạo) và quân chủ (chữ nho là quân trưởng). Cũng trang ấy ông Mỹ nói: «Tích-Quang... mở các trường sơ học dạy dân biết thi thư lễ nhạc». Sử ta chỉ chép «Tích-Quang dạy dân lễ nghĩa», không rõ nào chép «mở trường sơ học». Mà trường sơ học là làm gì đã dạy đến Thi Thư? Trang 53 có câu: «Nông-hộ... vốn là những kẻ sẵn thủ ghê tởm, lạc-tướng vì sự bất lợi áp-chiếu của chúng từ xưa tới nay...». Ông Mỹ thấy quyển sử chữ nho nào nói như thế? Bộ Đại-Việt sử ký, biên biên (ngoại kỷ, q 1, tờ 9 b) chép rằng: «Nước Nam về đời Lạc-Hàng-Vua dân cùng cấy, cha con cùng ăn... Người và giống vật cùng ở nhà nhau, ruộng Lạc-diền gieo nước triều lên xuống, dân sống ở đời bấy giờ cùng nhau vui vẻ hội dục ở trong cỏ, đất không rét không nước, Người, giê với thú chết người tuổi thọ đến lúc không biết gì đến việc đánh nhau có thể gọi là đời thái bình gọi là thời cực lạc. Vua thì yên vui

như tượng phật, dân thì vẽ mặt làm ăn, không phiền nhiễu gì đến râu tóc không việc gì phải canh-phòng, vua dân thân nhau, dầu vài nghìn năm cũng không thay đổi. Có phải đoạn sử chữ nho ấy khác hẳn lời ông Mỹ không? Đã không bắt râu tóc, không phải canh phòng, thì làm gì có « bóc lột và áp-chế »? Trang 54, có câu « Dân Cửu-chân vốn là những dân lưu đày giàng Lỗ », Bốn chữ « lưu đày giàng Lỗ » không thấy quyền sử chữ nho nào chép đến. Trang 55, ông Mỹ lấy câu trong sách Tâu nói « người đồ con ra mới biết mình có họ hàng » đó là thời đại lịch-lịch mẫu-tổ ở cả Giao-chi, Cửu-chân và Nhật-nam! Thế thì nhầm lắm. Đó là tục riêng của dân Cửu-chân, mà dân Cửu-chân về thời ấy hãy còn mọi rợ và chưa chắc đã là dân Việt-nam; dù sao, không thể cho phong-tục Cửu-chân với phong-tục Giao-chi là một được, xem đoạn Bà Trưng khởi nghĩa, sử ta (*Khâm-định việt-sử, tiền biên, q. 1, tờ 10a*) chép rằng: «...Trưng-vương cùng em là Trưng-Nữ khởi binh đánh năm châu-trị, Tô-Đĩnh chạy về Nam-hải, quân Bà đi đến đâu nơi gió lướt, các men lý (mọi rợ) ở Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố đều hưởng ứng ». Thế thì về thời đó dân Cửu-chân chưa khai-hóa, có lẽ chưa biết họ-hàng. Và lại phải nhớ rằng Cửu-chân là vùng Thanh-hóa, Nghệ-an bây giờ, mà Thanh-hóa hiện còn hơn 50.000 Mường, 8.000 Thái, Nghệ-an vừa Mường, vừa Thái non, 50.000 (*Annuaire administratif de l'Indochine, 1939-1940*). Thế thì sử chữ nho nói tục Cửu-chân là tục riêng của Thanh-Nghệ ngày xưa

chứ không phải là tục Giao-chi, vì nước Nam tức Giao-chi, từ từ ngày lập quốc đến hồi Bà-thuộc gần ba nghìn năm, « ở cấp chúng việc cưới xin, như việc Đế-minh lấy Vụ-niên, Lạc-long lấy Âu cơ, Văn-lang mất về Trụ-Phấn vì cẩu-hôn, Thục-vương mất về Triệu-Đà cũng vì gửi rể, thế mà bảo đến đời Nhâm-Điền, dân ta mới biết lễ cưới xin, thì chẳng là không đúng. Lại còn một « ẽ nữa » trong sách nho chép « vô giá-thủ ẽ - phép », nghĩa là « không lễ phép cưới xin », tức là trước kia cũng có cưới xin, nhưng k' ông có ẽ-pháp, hoặc vì chèo cưới nặng quá, nên Nhâm-Điền đặt lệ so tuổi cho lấy nhau, chứ không phải không có cưới xin.

Đến phần thứ hai là phần nói về « cận nhân của cuộc khởi nghĩa », tới trang 75, ông Mỹ viết một câu rằng: «...về Tô-Đĩnh giết Tô-Sách chưa phải là một cử chỉ tàn bạo...»!!! Ai cũng lấy làm ngạc-nhiên. Gặp người « chưa phải là tàn bạo », thì thế nào mới là tàn-bạo? Thời sách như thế, thì còn phải bình làm gì nữa!...

Thật chẳng khác gì vụ án Xã hội Việt nam của ông Lương Đức Thiệp: hai quyền cũng do nhà Hàn Thuyên, Văn mới xuất bản, cũng cho mẫu-bé là tục nước ta còn sót đến thời Bà Trưng, và cũng nói nhiều câu càn rỡ về các bậc anh-hùng cứu quốc. Thế mà dưới quyền Bà Trưng, lập-chi Văn mới lại còn cãi! Thì đây, ở bài kết luận, ông Thiệp còn viết như thế này: trang 985 « người Việt-nam hiếu-tục không phải vì biết hiếu biết, mà chỉ vì mong đặt một địa-vị ưu-thượng trong xã

hội »; trang 986 « Người Việt nam ít khi chịu chết vì lý tưởng hay vì một vĩ nhân nào đã chu-trương trái quyền lợi của họ »; trang 987 « Khốn khổ của Đế-Phấn, Đế-Thích và thành Đồ-Đàn đều ra ngoài trí tưởng tượng của người Việt nam »; trang 988 « Cũng vì thế thục quá mà người Việt nam ít chịu ra hồng-nôli... », v. v.

Ài đọc những câu như thế, chẳng bảo ông Thiệp là người nước khác, chứ không phải người nước Nam. Nhưng câu này, những câu ấy, là nhiều câu nữa, không phải của ông Thiệp « ẽ ẽ ẽ » ra như lời Văn mới đã cãi Lỗ! Ông Thiệp thì bất-chi rõ xã-hội này, như sách Paul Giraudeau, *Psychologie du peuple annamite: le caractère national, l'évolution intellectuelle, sociale et politique*, v. v., là những sách mà các nhà chuyên xét về xã hội đã bác đi một cách rất dích « Jang » (xem *L'Année sociologique* chẳng hạn) Để sau này, để có việc gì phải trả lời Văn mới (Hàn Thuyên), tôi sẽ vạch những chỗ ông Thiệp bất-chước sách này, mà « quôn » không-dã, cũng như ông đã bất-chước bài Ông nghệ đưa Lê, rồi ở cuối sách của ông, Văn mới lại hỏi bài Ông nghệ « phỏng cá lóc gì? »

Đây giờ Văn mới chỉ nói đến « xã-hội » nhưng cũng lại bất-chước Thann-nien, là tờ báo đã dùng lại lời « đi mượn không dẫn » ở số 14, ngày 1-12-1943; *Thanh-niên* « mượn » nghĩa chữ « ông trong » của *Trí-lân*, đã « quôn » chưa cho xuất-xứ, lại làm ra một phạm-phức (xem *Trí-lân*, số 123, ngày 3-2-1944, trang 3) cũng như Văn mới bây giờ, Tuế mới bắt tục ngữ « ăn phải dưa », « nói có ngựa đầu »

Ông học NGUYỄN VĂN M

BA NGƯỜI THỌ' CÂN MÀN

Số 6

LÊ-THANH

Cũng như ông Nguyễn văn-Vĩnh sinh vào thời quốc gia đồ sát, xung quanh ông bảo mình có đến chín mươi chín phần trăm ngu-si, ông định ninh rằng muốn cứu vãn lấy quốc-gia trước hết phải lo việc giáo-dục cho đồng-bào, Có lẽ không phải như ông đã nguyện, giáo dục cho trong nước Nam không còn một người dân dốt rớt, mà ít nhất để cho có đủ một số người có thể đứng lên đỡ chống đỡ cho cái quốc-gia của mình. Cũng như ông Vĩnh ông vấp phải một sự khó khăn là nước mình không có chữ.

Từ cái hiện-trạng ấy, cái chương trình hành-dộng của ông không thể ngoài hai việc — cùng là những việc ông Trương-vĩnh-Kỷ đã làm và ông Nguyễn-văn-Vĩnh đang bắt đầu làm — là luyện cho nước mình một thứ chữ riêng, dùng làm phương tiện-giáo-dục và giáo dục đồng-bào bằng cách phổ thông tư-tưởng, giúp đồng-bào thu-thập lấy một cái học-vấn tối-thiểu để sinh tồn ngày nay.

Ta hãy xem ông thực-hành cái chương-trình ra sao, và công việc của ông đã có những kết quả gì.

Năm 1917 ông, sau bốn năm thi nghiệm ngồi bút trên Đông-dương tạp-chí, ông lập tạp-chí Nam-phóng một tháng xuất bản một kỳ, số đầu ra ngày 1er tháng Bảy.

Cái mục đích của bản báo là muốn gây lấy nền học mới để thay vào cái nho học cũ, càng để xứng lên một cái tư-trào mới hợp với thời-hệ cùng trình độ dân ta. Cái

tính cách của sự học văn mới cũng cái tư-trào mới ấy là tổ thuật cái tư tưởng của Tuai Tây... mà không quên cái quốc-túy trong nước... — Mấy lời nói đầu — (Nam phóng số 1 ngày 1er juillet 1917).

Rõ những tập đầu cũng như những tập mới, ta thấy không lúc nào cái mục đích trên bị quên bỏ.

Những mục « luận thuyết » : Bàn về văn minh học thuật nước Pháp (số 1); Con đường tiến bộ của nước ta (số 8); Cái quan niệm dân ta đối với chủ nghĩa Đông dương hợp nhất, (số 10), trong ấy phần nhiều bàn về những vấn đề quan hệ với thời thế, nhất là những vấn đề quan hệ riêng với dân ta. Cái mục đích những bài luận thuyết ấy là cốt khiến cho người nước ta có một cái quan niệm phân minh chính đáng về những vấn đề ấy, để lý hội thông hiểu được việc nhón trong thế giới cũng trong nước nhà.

Mục « văn học » : Văn quốc ngữ (số 2), Sử học chuyên luận (số 4) Văn học nước Pháp (số 92) Một cái thí nghiệm đã nên công (số 34) Bàn về tiểu thuyết (45) Thế giới tiến bộ sử (số 90) sau về bản học (số 40) gồm những khoa văn chương, lịch-sử, từ-ngữ... phần này có vẻ quan trọng hơn cả. Những nhà bình bút giới thiệu những trào-lưu văn học, thái độ thứ nhất là nước Pháp, bình luận những tác phẩm có giá trị hoặc cổ hoặc kim mục đích

làm cho người mình hiểu văn học của người thế nào, văn học của mình ngày nay thế nào, và sau phải thế nào.

Mục « triết học » : Triết học là gì (số 2), Dịch sách phương pháp luận (số 3), Triết học nước Pháp (số 8; 9), Học thuyết Mạc-tử (số 91), Không giáo luật (số 50)... nghiên cứu để giới thiệu với người mình những học thuyết xưa và nay của Tây phương và Đông-phương. So sánh những tư tưởng lý thuyết giúp cho sự đáp mông cho một nền tư tưởng riêng của mình. Nền tư tưởng ấy sẽ không Tây và không Tàu và có những đặc sắc hoàn toàn Việt-nam.

Mục « khoa học » : Tàu ngầm, tàu lặn (số 1) Thiên văn học (số 38, khảo cứu về nghề ảnh (số 42) nói về điện tín (số 98)... lược khảo về những khoa học chuyên môn, phổ-thông những khoa-học thường-thực, gây cái mê mẩn khoa-học trong trí óc người mình, cái óc từ trước đến nay chỉ quên với văn học và từ chương...

(Còn nữa)

LÊ THANH

Giá báo

1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11, 60
3 tháng	6, 00
Mỗi số	0, 50

Nguyễn Bền

(Tiếp theo trang 9)

軍中數語歷肝腸

Quân trung số ngữ lịch can
trường,

為國捐軀壯國光

Vi quốc, quyên khu tráng quốc
quang

故址靈祠千古在

Cổ chỉ linh từ thiên cổ tại.

黎皇有道異明皇

Lê hoàng hữu đạo dị Minh-
hoàng

Dịch:

Trống quân mấy tiếng giải can-
tràngVi nước quên mình: nước về-
vang.Nền cũ đền thiêng, muốn thừa
dấy:Lê-hoàng có đạo khác Minh-
hoàng!

Nam Tự-dức 28 (1874) Ông Hoàng-xuân-Phóng cử-hàn, làm An sát Lạng-son, có soạn bài bia nguyên-văn chữ Hán. Ông Hoàng-xuân-Hán dịch như sau này:

« Chính-khai trong trời đất, đối với người, lên lao thay! Khi ấy không khuất, không quỳ. Gặp tiết lên, không thể lập mặt. Vây những người xưa, đã quên sống để giữ nghĩa, hiếu minh để gây nhân, tiếng truyền lại cùng vũ-trụ mãi không tàn hủ. Nay kính nhớ tới đức tôn-thần nghĩa-vương họ Nguyễn. Ngài sinh ở huyện Chi-la, làng Bà-bồ xưa, khóa, dân thất-học-sinh ở quán, làm thi-nghị-sử. Tỉnh ngài được cử, vào triều làm can. Gặp lúc nhà Trần vận hội, giặc Bắc vừa sang, đắp thành đợi lấy giặc, úm mưu giữ nước nhà. Triều đình chọn người sang trại giặc; ngài không ngăn-ngại, không

sợ hãi, xin đi. Tờ hơi, không run, không sợ, rét mặt vùi vàng, lời nói mạnh bạo. Giặc biết rằng không thể lấy uy mà bức-biến, đã lấy lễ mà mời về. Bèn có Liêu, Hựu là bọn gian-đầu, thâm quen với giặc, bảo sai chân đường về mà bắt lại. Ngài trở lại qua cầu Yên-quốc; cái lại không kiêu. Lấy chết làm chắc, lòng Thổ mà giặc Phụ vẫn cam tâm ư!

« Đến ngày chết, ngài để chử ở cầu, mắng giặc ba ngày không dứt. Thực là hùng-tráng thay!

« Khi lớn-lao sáng-láng của ngài, là lòng nghĩ tới vua, mắt xoe không giặc. Gan trung, phủ nghĩa, tài bao năng gât sương thu. Nước triều lên xuống, mà tiết ngài không theo chìm nổi; cầu cũ đổ nát mà tiếng ngài không phải hư tàn. Giặc Bắc sao giết nổi ngài được! mà lại còn dâng ngài tiết g hay. Ấy là, vì sống đã rạng thì ắt chết phải thiêng. Nghịch-lạ: chừng qui đến chết mà nước nhà nhờ đó mong cứu. Danh tiếng thiêng của ngài chắc có ngầm giúp vậy. Ngàn đời tiếng ngợi, một lòng khôi-hưng. Cáo quan toi, nhờ giới đời đời đều vui chuyên bản khơn. Cái phong-vận ngài để lại ngàn đời sau còn đủ làm hưng-khởi lòng người. Thực là, khi mong mệnh, làm liệt van đời còn!

« Phóng tới đây, kẻ hậu học ở Yên-hồ làng Trổ, cũng là giòng giới họ ngoại, dòng trong nhà thiêng, kính phụng dạy-tiết, muốn rửa cái chửi-khú ấy cùng với non sông truyền lại lâu dài, nên dám làm bài minh này, để ghi lại.

« Minh rằng?

« Trương-Phụ chi-khi, ruộng cội nước nhà,

Từ sinh như một, giường mỗi tròn ba
Núi Thành đứng sừng, sông Lam bao la.
Núi cao, sông rộng, tiếng Nghĩa-Vương ta. »

Nguyễn Bền thực là một bậc n hĩa sĩ đời Trần-mạt. Dường lúc thời-vận suy, nước nhà nghiêng đổ, ông vẫn vì non sông đất nước lết lòng trung, ông hổ thẹn giữ nghĩa. Một tấm trung-triạch chói lọi như mặt trời, mặt trăng dù cho cuộc thế đổi thay, mà muôn năm về sau, tinh-thần của ông vẫn còn sống mãi trong vũ trụ.

Thực là:

« Trung nghĩa lưu phương thiên
vạn cổ
Nguy nguy miếu vũ địa (thiên
trường »

(Trung nghĩa lưu truyền nghìn vạn
thủa
Nguy nga hương ki ỏi dải trời lâu)

(Dựa tài-liệu Khâm-dịnh việt sử lịch-triều hiện chương, Việt sử tổng Vính, Khai trí tiến đức tập san 1941)..

Nhật-Nham

(Trích trong quyển Danh nhân liệt-truyền sắp xiết bản)

Hợp thư

Aline Lê-Vinh-Long — Báo của ngài hết hạn từ 15-6-1944 — Xin gửi ngân phiếu 20\$ một năm.

Ty Trại sư

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.99 một vé

BIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

35 95

Ông-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Khoa Mậu-thìn (1508), đời vua Lê Uy-mục (1561-1503), lấy mười lăm ô g cổ độ n 1 giáp tiến sĩ xuất-thân, kê lên sau này:

1. — Trần Tông, người xã Bình-dộng (Đặng khoa lục q. 2, tờ 5 b chép là Nội-dộng), huyện Tân-vương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương, đỗ nhĩ giáp tiến sĩ khoa Mậu-thìn (1508). Làm quan đến thâu-tử ngự-sử, nhập tể k'nh diên (Đặng khoa lục chép là phó-dô ngự-sử). Sinh ra Trần Quang-Tá, đỗ đồng tiến sĩ khoa kỷ mùi (1559) của Mạc Phúc-Nguyên. (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 91 a).

2. — Nguyễn-trọng-Hồ, người xã Thượng-cốc, huyện Gia-lộc (Đặng khoa-lục, q. 2, tờ 5 b, chép là Trảng-lão), phủ Hạ-liệt, trấn Hải-dương. Đỗ nhĩ giáp tiến sĩ khoa Mậu-thìn (1508). Làm quan đến thâu-tử ngự-sử (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 37 b 38 a).

3. — Ngô-Hải, người xã Vạn-nguyệt, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhĩ giáp tiến sĩ khoa Mậu-thìn (1508). Không chịu làm quan với Mạc, mất ở nhà riêng. Là con Ngô-Ngọc, đỗ nhĩ giáp khoa 1487. Sinh ra Ngô-Trung, đỗ Uội-Nguyên, nhĩ giáp khoa 1580. Q'ng nhĩ Ngô-Nhân-Triệt, đỗ tam-giáp khoa 1607. T'ng nhĩ Ngô-uân-Tiến, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1640. Năm đời nối nhau đỗ đại khoa, đời bấy giờ khen là lệnh tộc. (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 5 b, và Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 58 a).

4. — Nguyễn-Chí, người xã Cáo-mật, huyện Thanh-dai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam, Đỗ nhĩ

giáp khoa 1508. Ông th' hợp cách. Làm quan đến t'ư-khẩu, cử tiếng Hết nghĩa (Đặng khoa lục, q. 2, tờ 5 b, và Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 37 a).

5. — Nguyễn-lý-Quang, người xã Kim-dôi, huyện Vũ-ninh (Vũ-giảng), phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Đỗ nhĩ giáp khoa Mậu-thìn (1508). Năm t'au mùi (1511) biểu Hông-thuận t'ư 3, đời Vua Lê Tương-dực, Trần-Tuân khởi loạn, người kinh đô sợ hãi chạy đi cả. Vua sai ông cùng Lê-dinh-Chí, Nguyễn-duy-Thốc và đại quan khảm r'et ngăn cấm, ông cùng bọn Lê-dinh-Chí nắm người, cho vợ con chạy về trước, Vua tức-g'ận sai giết chết (Đặng khoa-lục q. 2, tờ 5 b, và Đặng khoa bị khảo, q. Kinh-bắc, tờ 7 a).

Về việc Trần-Tuân khởi loạn, Khâm định Việt-sử (Chính-biến, q. 26, tờ 13 a và b) chép như sau này: « Trần-Tuân là người làng Quang-bì, huyện Bất-bạt, trấn Sơn-tây; là cháu thượng-thư Tr'au-Cần (Tr'au-Cần đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1469, di sử T'au, làm quan đến thượng-thư bộ Lại. Vì chán nhĩ là Trần-Tuân khởi loạn, con cháu đời họ là Đặng, di tản ra các nơi, một chi ở Thượng-an-quyết, một chi ở Phú-dộng, một chi ở Văn-canh). Tuân là người h'ng-t'ơn ph'ong-l'ung, chiếm cứ các động ở về gi'oc núi vùng Hưng-b'óa, tụ họp những bọn vô-l'ại kẻ có hàng vạn, thường cho ra cướp bóc các nơi xung quanh, lần lần về đến Sơn-tây. Nhân-đan "T'ông kinh thành (Th'ang-long) oán-d'ộng

tranh nhau đến gia-quyết để tranh loạn. Tháng 11 năm thứ 3 Liêu H'ông-th'ang (1511), Vua Lê T'ong-d'ục sai H'ng-qu'ê t'au là T'au-d'ay, S'au đem quân đi đánh. D'ay S'au bị thua, lui về giữ vùng Đông-Ng'ar, Nh'at-ch'ieu (Nh'at-t'au). T'au-Tuân nhân được thừa thế nổi loạn kinh thành.

Nguyễn-văn-Lang sai thân-qu'ân sáu vệ ở đ'ận-t'ien dự bị sẵn các thuyền ngự định đến Vua vào Tranh-h'oa để tránh loạn, và bắt những người ở các sở ra đóng sập hàng cả ở Đông-Hà để tỏ ý phòng bị. N'ha đêm hôm ấy tự nhiên sợ hãi chạy tan cả. Duy S'au thu nhặt những quân bị thua chỉ còn hơn ba mươi người, phải x'áo làm dấu hiệu, th' nhau cố chết đánh gi'ac, mãi đến tối hôm ấy vào được đồn của Trần-Tuân, Trần-Tuân mặc áo hồng bào ngồi trên giường. Duy-S'au xông đến tận nơi đâm chết, quân của Trần-Tuân bị vỡ. Còn dư-d'ang của Trần-Tuân ở chỗ khác chưa biết Trần-Tuân đã chết, vẫn còn tụ họp như cũ. Vua Lê Tương-d'ực được tin báo, b'ên sai Nguyễn-văn-Lang đốc th'úc t'ung-s'ĩ các dinh cùng Duy-S'au họp nhau, đánh trống hò reo mà tiến, quân gi'ac thua to, quân của Nguyễn-văn-Lang và Tr'au-duy-S'au đi theo mãi đến làng Th'uy-h'ương, làng Quả-d'ộng, chém giết quân gi'ac không biết bao nhiêu mà kể ».

6. — Bùi-v'inh-Phu, người xã Liên-tri, huyện Chương-d'ươ, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ nhĩ giáp tiến sĩ khoa Mậu-thìn (1508). Làm quan đến hàn-l'âm-vi'ên U'í-gi'ang (Đặng khoa-lục, q. 2, tờ 6 a, và Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 49 b).

7. — Lê-v'inh-H'ien, người xã Đại-b'ôi, huyện Đông-s'ơ, phủ

Thiếu-hóa, trấn Thanh-hoa. Đỗ nhĩ giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến tá-thị-lang (Đặng khoa bị khảo, q Thanh-hoa, tờ 13 a). Đặng - khoa - lục (q 2, tờ 6 a) chép: làm quan đến hực-thị lang.

89. — Lê Vĩnh-Tuý, người xã An-nhĩ, huyện Chi-linh, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm ba mươi một tuổi đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến thá-nh-bình (Đặng khoa lục, q 2, tờ 6 a, và Đặng khoa bị khảo, q Hải-dương, tờ 78 b).

9. — Lê Khắc-Nhơn, người xã Thổ-giã, huyện Nông-công, phủ Tĩnh-gia, trấn Thanh-hoa. Năm 33 tuổi đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến tá-thị-lang. Khi làm Lê mồi, không chịu theo Mạc. Đời trung-hưng (1533-1518) ta khen là tiết-nghĩa. Ông là anh Lê-dinh-Thuyết cũng đỗ nhĩ-giáp khoa Ất. Hai anh em đỗ cùng khoa, cùng đỗ bảo-đảm-giáp, cũng được khen là tiết-nghĩa (Đặng-khoa-lục q 2, tờ 6 a, và Đặng khoa bị khảo, q Thanh-hoa, tờ 40 b).

10. — Lê bá-Giáo, người làng Lam-sơn, huyện Tuy-nghệ, phủ Thiệu-hóa, trấn Thanh-hoa. Làm nhà ở làng Bồ-đề, huyện Đông-sơn.

Đỗ nhĩ giáp tiến-sĩ khoa Mậu-thìn (1508). Là anh Lê-trọng-Bích, cũng đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa Ất (Đặng khoa lục, q 2, tờ 6 a). Đặng-khoa bị-khảo (q Thanh-hoa, tờ 2 b và 3 a) chép là Lê bá-Bình, làm quan đến đô ngự sử "lê trí sĩ", ba anh em cùng đỗ một khoa, cùng làm quan một triều.

11. — Phan-Tập, người xã Chi-linh, huyện Chi-linh, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Nhà ở xã Chi-linh. Đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm lập họ Mạc, lại vi phạm pháp luật. Làm đến đô-bộ tá-thị lang, tri sĩ. Sinh ra Phan-Dị, đỗ nhĩ-giáp khoa bính-thìn (1556) đời Mạc. Phan-Dị (Đặng-khoa-lục, q 2, tờ 6 a) Đặng-khoa bị-khảo (q Hải-dương, tờ 79 a và b) chép "sinh ra Phan-Dị" Đặng khoa lục (q 2, tờ 42 a) cũng chép "Phan-Dị" đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1556, là con Phan-Tập.

12. — Lê-dinh-Vệ, người làng Thổ-giã, huyện Nông-công, phủ Tĩnh-gia, trấn Thanh-hoa. Năm 28 tuổi đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Là anh Lê bá-Giáo, đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Là anh Lê bá-Giáo, đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Là anh Lê bá-Giáo, đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Là anh Lê bá-Giáo, đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508.

Thế là hai anh em đồng khoa, cùng hoàng-giáp, cùng tiết-nghĩa (Đặng khoa bị khảo q Thanh-hoa, tờ 40 b).

13. — Lương-Dã-Lạc, người xã Tân-trừ (sau đổi, Tiên-trà), huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bá. Đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến lý-khánh (Đặng khoa bị khảo, q Kinh-bá, tờ 58 a) và khoa lục (q 2, tờ 6 a) chép là: "Làm quan đến dinh lý sự, trước là..."

14. — Lê-dinh-Cát, người xã Chiếu-dô, huyện Kim-thành, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Năm 46 tuổi đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến giám-sát ngự sử (Đặng khoa lục, q 2, tờ 6 b, và Đặng khoa bị khảo, q Hải-dương, tờ 91 b).

15. — Nguyễn-tử-Kỷ, người xã Nhị-trại, huyện Thiệu-lâm (Lạng-tà) phủ Thuận-an, trấn Kinh-bá. Năm 46 tuổi đỗ nhĩ-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến đô-bộ (Đặng khoa bị khảo, q Kinh-bá, tờ 123 a).

(Còn nữa)

Trang-học NGUYỄN-VĂN-TỔ

HAY ĐỌC

VIỆT NAM PHẬT-GIÁO SỬ LƯỢC

của MẬT-THÊ (giáo sư trường Sơn Nam Paris, học-thầy)

Tựa của ông Trần Văn Giáp (mười năm trước đây)

Sách dày 300 trang in toàn trên giấy trắng (bìa: trắng) Có kèm một số địa đồ minh họa các địa phương Phật giáo và nhiều bài thơ của các vị cao tăng và các nhà văn.

Giá 11\$50

Nhà xuất bản, TÂN-VIỆT 14020 Lamblot - Hanoi

BẢN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT NAM

ĐÀO-TRỌNG-ĐU

7- Bản thêm về tương-chứng

Tương-chứng có khi thuận, có khi nghịch. Thuận là khi tiếng ngoại-quốc cũng vẫn lại biến ra tiếng Việt-nam cũng vẫn, như :

1.) chúng	thành ra	đóng
chú	—	đúc
chúc	—	duốc
châm	—	đâm
2.) đồng	thành ra	chung
diệt	—	cháu
đâm	—	chum
diêm	—	chấm
đỉnh	—	chôm

Trong những thí-dụ trên đây, ta nhận thấy vẫn Ch chữ nho, đổi ra vẫn Đ quốc-ngữ, trái lại, vẫn Đ chữ nho đổi ra vẫn Ch tiếng nôm. Bốn chữ trên làm chứng lẫn cho nhau, là tương-chứng thuận. Năm chữ dưới làm chứng lẫn cho nhau, cũng là tương-chứng thuận. Nhưng nếu so-sánh hai chữ chúng-đồng với hai chữ đồng-chung, ta thấy một đồng Ch thành ra Đ một đồng Đ thành ra Ch : hai thí-dụ vẫn làm chứng lẫn cho nhau nhưng đây là tương-chứng nghịch.

Tương-chứng thuận bao giờ cũng đi với tương-chứng nghịch, nghĩa là đã có tương-chứng thuận, tất phải có tương-chứng nghịch. Vẫn Ch chữ nho biến ra vẫn Đ tiếng nôm, trái lại, vẫn Đ chữ nho cũng biến ra vẫn Ch tiếng nôm, cho nên có chữ chúng thành ra đóng, tất phải có chữ đồng thành ra chung. Vẫn Đ chữ nho biến ra vẫn Úc tiếng nôm, trái lại vẫn Úc chữ nho cũng biến

ra vẫn U tiếng nôm, cho nên có chữ chú thành ra đúc tất-nhiên phải có chữ lúc thành ra đủ. Vẫn L chữ nho biến thành vẫn S tiếng nôm, trái lại vẫn S chữ nho cũng biến thành vẫn L tiếng nôm, cho nên có chữ :

liên	thành ra	sen
lực	—	sức
lục	—	sáu
lợi	—	sắc
lạp	—	sáp

tất phải có chữ :

si (thị)	—	là
sĩ	—	lĩnh
so	—	lơ (lơ-thơ)
sĩ	—	lễ
si (sâm-si)	—	le (so-le)

Nguồn-gốc tiếng Việt-nam, ta có thể tìm thấy được, phần nhiều là nhờ tương-chứng. Dưới đây tôi dẫn ra một vài chữ rất thường làm thí-dụ :

Một ở chữ nhất. — Nhất, Quảng-dông đọc là yết, Nhật đọc là lịch, Bắc-kinh là ý, Triều-châu là chặc. Nhất thành ra một vì tương-chứng thuận và nghịch. Thuận vì có những chữ :

nhĩ	thành ra	một
nhĩ	—	máy
nhĩ	—	mà
nhũ	—	mỏi
		(mềm-mại)
nhuyễn	—	mềm
nhược	—	mệt

Nghịch vì vẫn ột nho thành ra vẫn ột nôm (nhất thành ra một), trái lại, vẫn ột nôm cũng thành ra vẫn ất nôm (một thành ra nhất, ngọt thành ra ngất). Nếu so-

sánh tiếng Quảng-dông với tiếng ta, ta nhận thấy một vài tiếng gần, thêm chữ M vào đầu trước, có thể thành ra tiếng ta được, như :

M trên chữ yết	=	mắt	=	một
M — yục	=	mục	=	muốn
M — hôn	=	mhôn	=	mồ-hôi
M — yl	=	mì	=	mà

Hai ở chữ nhị. — Nhị Quảng-lông đọc là yl, Bắc-kinh là ơ, Nhật-bản là ni, Triều-châu là nỏ. Hai ở chữ nhị, vì tương-chứng thuận. Vẫn Y Quảng-dông đổi ra vẫn H Việt-nam, như

yn-chốt	=	hiện-tại
ylnh	=	hình
yl	=	hĩ
yau	=	hữu

Vẫn I Quảng-dông đổi ra vẫn ai Việt-nam, như :

si	=	sát (thuốc-phiện)
(mặt-) li	=	nhài (hoa nhài)
lị	=	lãi

Chữ yl đã thành ra hĩ, vẫn i lại đổi ra vẫn ai, thì chữ yl Quảng-dông thành ra chữ hai Việt-nam cũng không lấy gì làm lạ.

Ba ở chữ tam. — Tam, Quảng-dông đọc là sạm, Bắc-kinh là san, Nhật-bản là san, Triều-châu là sa. Đây, vừa tương-chứng thuận, vừa tương-chứng nghịch. Xét về thủ-âm, ta thấy, vẫn S đổi ra vẫn B, như :

Sa (tam)	=	ba
sdy (lu)	=	biển
sơ	=	đợt
chợ sục	=	bọ
sân	=	bản

Tài - liệu để đính - chính những bài văn cổ

Số 66

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

CXXXV. — Kim Vân Kiều
(bài nối)

Quyển Kiều của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in lần đầu năm 1920 (tr. 135) chép là «Thấy nàng mặt phấn tươi son, mừng thầm được mỗi bán buôn có lời». Quyển quốc-ngữ in năm 1943 (tr. 510) chép là «Mừng thầm được buổi bán buôn có lời». Kim Vân Kiều chú (bản sao của Trường Bắc-cổ, số A B 233, q 2, tờ 64 b) chép là «Thấy nàng mặt phấn tươi son, mừng thầm được buổi bán buôn có lời». Phỏng-bản của Quan-văn-dương (tờ 66 a) chép là «Thấy nàng lại phấn phai son, Mừng thầm được mỗi bán buôn có lời». Kinh-bản của cụ Kiều-oán-Mậu (Đoạn-trường tân-nam, tờ 53 a), và Vương Kim diễn tự (bản sao của Bắc-cổ, số A B 234, tờ 60 a) chép là «Thấy nàng mặt phấn tươi son, Mừng thầm được mỗi bán buôn có lời», và chú rằng: «Mặt phấn tươi son có bản chép là lại phấn phai son, thì không phải. Câu ấy nghĩa là xem nhan-sắc Thúy Kiều có thể tô điểm son phấn cho tươi đẹp, nên được người làm mối, chắc là có lời».

— Các bản chép là «Mụ càng xua đuổi cho liền, Lấy lời hung-hiêm, ép duyên Châu Trần». Duy phỏng bản chép là «Mụ càng sui dục cho nên» thì không đúng.

— Hai bản quốc-ngữ, phỏng-bản và chú-thích viết «Khố gian gia của phá gia. Còn ai dám chừa vào nhà nữa đây». Kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là «Giống gian gia của phá gia».

— Bản quốc-ngữ cũ (tr. 135), phỏng-bản và chú-thích chép «Này chàng Bạc-hạnh cháu nhà. Cùng trong thân thích ruột-rà chẳng ai». Vương Kim diễn tự và kinh-bản chép «Cổ chàng Bạc-hạnh cháu nhà, Cùng trong thân thích ruột-rà chẳng ai». Bản quốc-ngữ mới (tr. 512) chép «Này chàng... Cùng trong...»

— Hai quyển quốc-ngữ, kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là «Nàng dầu quyết chẳng thuận tình, Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau». Chú thích và phỏng-bản chép là «Trái mệnh nẻo trước, lụy mình đến sau», Cụ Kiều-oán-Mậu chú rằng: «Cổ Trái lời có bản chép là trái ngược».

— «Thiếp như con én lạc đàn Phái cung rày đã sợ lân cây cong» do câu chữ nhớ «Kinh cũng chỉ điều, kiến khúc-mộc nhĩ cao phi», nghĩa là con chim sợ cung, thấy gỗ cong mà bay cao.

— «Cùng đường dân tính chữ lòng, Biết người biết mặt, biết lòng làm sao?» Tám chữ dưới do câu tục-ngạn của ta: «Tri nhân tri diện, bất tri tâm», nghĩa là biết người biết mặt, chẳng biết lòng.

— Các bản đều chép «Nửa khi muốn một thế nào», duy kinh-bản chép là «Sợ khi muốn một thế nào». Phỏng bản, chú thích và Vương Kim diễn tự đều chép «Bản ham buôn hồ, chắc vào lung đẩu»; hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép là «buôn sỏi»; câu này do câu chữ nhớ ở trong Kim cổ ký quan: «Mặt lạng má hồ, tả khoản vô bằng», nghĩa là bán lông

mua hồ, có văn-khố không làm gì; cứ như thế thì chữ sỏi phải hơn chữ hồ, vì lượn với hồ cũng một con.

— Các bản chữ nôm và quốc-ngữ cũ (1920, tr. 136) đều viết «Một nhà dọn-dẹp linh-dinh, Quét sân đất trác, rửa bình thắp nhang». Bản quốc-ngữ mới (1943, tr. 517) chép «Một nhà dọn-dẹp linh-dinh». Kinh-bản viết là «Một nhà dọn-dẹp linh-chén», và chú rằng «có bản chép là linh-dinh», nhưng không định chữ nào là phải.

— Các bản chữ nôm và quốc-ngữ cũ (tr. 137) đều viết: «Thuyền vừa đỗ bến thanh-thời», duy bản quốc-ngữ mới (tr. 519) in là «Thuyền về» thì nhầm.

— Hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép «Bạc-sinh lên trước tìm nơi mọi ngày». Phỏng-bản và chú-thích chép là «tìm nơi hỏi người» thì sai, vì câu dưới có chữ «cũng nhẽ, cũng phường, cũng tay» thì chữ «mọi ngày» mới phải hợp lý.

— Câu «Đầu xanh đã tội tình gì? Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi!» Các bản chữ-nôm đều viết «đến quá» mới phải nghĩa: «Má hồng-nhan quá nửa đời chưa đến xong. Vương Kim diễn tự (tờ 62 a) dịch là «Hồng-nhan trái, bán sinh đầu, vì thường», nghĩa là họ hồng-nhan quá nửa đời, chưa già xong».

— Hai bản quốc-ngữ và Vương Kim diễn tự chép là «Giang-hồ quen thói vầy-vùng. Gióm đàn nhả-gánh, non sông một chèo». Kinh-bản, phỏng-bản và chú-thích chép là «Giang-hồ quen thói vầy-vùng», Kê ra, chữ «thú» mới hay, vì «vầy vùng ở giang-hồ» thì thường gọi là «thú», ít ai gọi là «thối».

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

ĐẠI-NAM DẬT SỬ

Số 42

Ủng-hoà NGUYỄN-VĂN-TO

XXIX — Thập nhị sứ quân (bài nối)

Về sự tích mười hai sứ quân (966-968), mấy kỳ báo trước tôi đã đem các sự lạ và thần-tích chữ nho, dịch được bảy truyện, là truyện Ngô-xương-Xi, Ngô-nhật-Khánh, Kiều-công-Hãn, Kiều-Thuận, Trần-minh Công, Nguyễn-Siêu và Nguyễn-thủ Tệp. Còn năm sứ quân thì Nguyễn-Khoan đã chép ở trong truyện Nguyễn-Siêu; duy bốn sứ quân nữa, là Lý-Khuê-xương, Lý Lăng-công, Lê-Dương-xung, Đỗ Cảnh-công, Phạm Bạch-Hổ xưng Phạm Phùng-Át thì trong sử không nói rõ, tìm ở các thần-tích chữ nho cũng chưa thấy.

(Năm 1938 trường Bắc-cổ có nhờ quan Thống-sứ Bắc-kỳ thông sức các quān địa-phương đề hỏi thần-tích và phong-tục các làng; hiện các làng đã trả lời trường Bắc-cổ bằng chữ quốc ngữ. Tôi thấy ở huyện Văn-giang có làng thờ Lê Tá-công, ở Thuận-thành có làng thờ Lý Lăng-công, so với sự chép thì đúng nhau, một lời theo những lời trong tờ khai của các làng ấy, thuật lại dưới đây:

Xã Bình-an, tổng Dương-quang, phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh, có làng thờ Lý Lăng-công là thần-thành. Làng ấy khai rằng: « Có ngài thờ, không có tượng, chỉ có bài vị, mũ, áo, hia, đai, kiếm, hốt. Không có thần-tích, chỉ có tấm đạo sắc phong về năm thứ 3 hiệu Cảnh-trung (1792), năm thứ tư hiệu Cảnh-định (1795), năm thứ 15 hiệu Bảo-vượng (1810), năm thứ 6 hiệu Tự-đức (1853).

năm thứ 33 hiệu Tự-đức (1880), năm thứ 3 hiệu Duy-tân (1909) và năm thứ 9 hiệu Khải-dịnh (1924). Ở thôn Đình (Đanh) thuộc xã Dương-xá cũng có thờ, thường năm có lễ hai bên giao-hữu với nhau ».

Xem đến tờ khai của thôn Đình (tên xưa gọi là Đanh) làng Dương-xá, tổng Dương-quang phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh, cũng khai rằng: « Thờ ở đình, có long ngài, bài vị, mũ, áo, cần, đai, kiếm, hốt đủ cả ». Thôn Đình không thấy sao thần-tích gửi cho trường Bắc-cổ chỉ thấy khai rằng: « Sách chép tên húy thành-hoàng là Khuê, hiệu là Lăng-công, quán ở làng Đại-trạch (cùng tổng Dương-quang). Khi nhà Ngô đã suy kém, (965), ngài tự xưng sứ quân, lòng cử loại Siêu loại (tức Thuận-thành). Ngày 30 tháng 11 năm 963, ngài đánh nhau với Đình Thiên-hoàng, bị thua trận, mất ở làng Dương-xá, dân Dương-xá, (thôn Đình) lập đình thờ ngài, trải Lê, Lý, Trần, Lê sang hán-triều đều có sắc phong, đạo sắc sau cùng là năm thứ 9 hiệu Khải-dịnh (1924) phong làm « Anh-mai cường-trung dự-bảo trung-hung đồ-thống lý-ăng-công trác-vĩ thượng-đẳng-thần ». Sử chép cho chép: « Lý Khuê xưng Lý Lăng-công giữ vùng Siêu loại » so với phùng tờ khai địa phương, thì đúng là n

Xã Phụng-công, tổng Phụng-công, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, khai rằng « Xã này vẫn thờ thần tá-đức là thần tá-đức ». Sử chép « Lê Dương-xung Lê-lá Công » mà làng Phụng-công lại gọi là « Lê Tá Dương ».

thế là gọi chung cả chức-tước và họ tên làm một, cũng như Triệu-Đà làm chức úy Nam-hải, mà người ta gọi là « Triệu-úy-Đà », Làng Phụng-công lại khai rằng: « Thờ ngài ở đình, nguyên khu đất ấy xưa là cây cối, sau sửa sang dựng đình thờ. Có tượng đất có ngài, bài vị, mũ, áo, hia, đai, kiếm, hốt, đủ cả. Không có thần-tích chỉ thấy truyền-khẩu Ngài là một vị trong mười hai sứ quân về hồi cuối Ngô, đầu Đinh (968). Lúc ấy (tức năm 965) nhà Ngô đã suy, vua Đinh chưa nhất thống được, trong nước rối loạn. Ngài dẹp yên các đảng giặc cỏ, rồi xưng làm vua ở vùng Tống-giang (nay là Văn-giang). Có sắc phong, từ đời Cảnh-hung (1740-1786) đến giờ » Làng ấy có sao một đạo sắc (bằng chữ nho) ở năm thứ 9 đời Khải-dịnh (1924) xin dịch ra như sau này:

« Sắc cho xã Phụng-công, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, từ trước vẫn thờ vị thần, nguyên truy tặng là « Phụng-công bảo-ninh tụy-tĩnh-y tín-quang-y đức-bảo-trung-hung-thụy-mục-linh-huệ Lê trung-đẳng-thần » giúp nước giúp dân, rất là linh ứng, đã nhiều lần được nhà vua phong sắc chuẩn cho xã ấy phụng thờ. Nay chính gặp tứ tuần đại-khánh-tiết của Trẫm, đã bao lần chiếu bái thần có lễ dâng vật. Vậy thăng lên làm « Trác-vĩ thượng-đẳng-thần » chuẩn cho xã ấy phụng thờ, để giữ yên cõi trong nước nhà rõ rệt phép thờ cúng của triều đình với nước với sắc. Việc này ngày 23 tháng 7 năm thứ 9 hiệu Khải-dịnh (1924)

(Chết / chết)

Ủng-hoà NGUYỄN-VĂN-TO

BỐN NĂM TRÊN ĐẢO CÁC-BÀ

Số 5

của VĂN-ĐÀI

Ở Các-bà, nơi cả người ở mà đẹp nhất là ở Võ tuyến đến. Sở làm trên một cái đồi, cao hai trăm thước. Bốn mặt trông ra là bề mặt núi. Gió mới luôn luôn thay đổi với cảnh trời. Một khu vườn con, đầy hoa đem từ Hạ hồi lại. Ba gian nhà rộng về mùa xuân sớm hôm sương mờ lồng chung quanh cửa sổ, mùa thu bề lặng và trong, mơ màng như mặt đẹp một mỹ nhân. Cây đồi, gió núi êm dịu nhẹ nhàng, luôn luôn thổi thổi những lời vui vẻ chân thật. Bốn năm tôi đã sống qua quãng đời yên tĩnh, tịch mịch. Cuộc đời không gả đổi, không danh lợi, tôi chỉ ước ao sống suốt đời nơi danh thắng ấy.

Cảnh với người lưu luyến, sự xưa nhau, như hai người bạn rất thân. Nhưng đời không chờ lâu lòng người được như ước vọng.

Rồi một hôm tôi đã rời Các-bà ra đi, với muôn ngàn thương tiếc.

Sáng nay mây trắng lơ lửng
Giò ngung mặt rặng lau thưa bên
ngàn

Bề sâu lệ ngọc trào trào
Chim ngư ngán khúc đàn buồn buồn
lên!

Cỏ vườn dăm lẹ long-lanh
Mỗi dòng châu mỗi cảm tình biệt ly.
Nước than thở dưới lòng khe
Nhớ ai núi đứng sầu bi chân trời

Ra đi được chẳng nhớ rời
Bao lòng đau tiếc bao lời xót xa...
Muốn ôm vùi lấy bao la
Siết vào bên trái tim ta muôn đời

Ba năm sương gió khi vụn
trọng khi Mùng-sinh, phong-
cảnh Ai lao tuy bị hăm lả lung,
nhưng vẫn kém bề sáng sửa và

trong sạch của Các-bà. Một hôm, tôi lại trở về Các-bà như đi thăm một người bạn cũ.

Ba năm một bữa trở về,
Cây vùn mái tóc, hoa kẻ áo mới.
Yêu đương đầy lại đầy trời,
Lòng ơi! đường cũ núi đồi còn đây.
Bề mừng muôn đợt sóng ngày,
Núi lướt xa dần ý, gió hây hây đời,
Ba năm xa cách núi đồi.
Giò sương ngao ngán lòng người
trắng đen...

AI qua đường ấy...

Các-bà là nơi gần bên thủy và cỏ đồi chỗ không đi lại được. Khách du ngoạn ra đây, nếu không có người quen, tưởng cũng khó lòng đi đến.

Đường đi từ Hảiphong ra tuy gần nhưng rất dễ sóng gió. Những người lạ, chưa quen sóng, một lần ra gặp sóng, có lẽ tưởng không bao giờ dám đi nữa.

Đường thuận tiện hơn hết, nên bắt đầu từ Hongay. Ra Hongay, thuê một cái thuyền « Rội » của bọn đánh cá người Nam, thứ thuyền này sạch-sẽ hơn cả và có thể đi vài ba ngày. Nếu muốn đi nhanh hơn, có thể thuê tàu con của hãng La pique (ở Bãi Cháy). Bắt đầu từ đây, người ta có thể ra xem các hang ở vịnh Hạ-long và rồi cứ đường thẳng ra đến Các-bà. Khi về, nếu trời yên sóng lặng, có thể dùng thuyền từ Các-bà về Cát-bãi, Ninh tiếp, Hảiphong một cách chắc chắn. Cũng nên chú ý đến thời tiết. Từ tháng ba đến tháng bảy bao giờ cũng tương đối là những tháng sóng gió to. Cũng có một đường khác không sợ

sóng gió. Đường ấy khởi từ Đồ-sơn, hôm nào mặt biển yên lặng, một con thuyền lướt sóng ra Các-bà, chỉ độ ba giờ đồng hồ là đến. Vì Các-bà trước mặt bãi hồ Đồ-sơn. Trời quang, hai bên trông rõ được.

Đến Các-bà, khách du-ng ngoạn vào qua tòa Đại-lý, rồi tiếp ông Đại-lý, rồi xem các nơi, bao giờ cũng vẫn có bề đẹp đẽ hơn.
(Hết)

VĂN-ĐÀI

Sau bài « Bốn năm trên đảo Các-bà » này, Tri-Tân sẽ đăng đến thiên lễ-kỷ « Hai tháng ở gò Óc-ao » của Biệt-lam Trần Huy-Bá. Xin các bạn đón coi.

Tri-Tân số 160 sẽ là đặc san về

Thu (1944)

Trong có những bài như :

Thu (chép những việc lịch-sử đã xảy vào mùa thu)

HOA-BÁNG

Mồng tám tháng tám,
ngày chúa Nguyễn Phúc-
Ánh khắc phục Sài-gòn lần
thứ tư

THỌ-XUÂN

Mùa thu với cuộc đời

KIỀU-THANH QUẾ

Và những bài :

Khảo cứu rất công phu của
Ông-hoà Nguyễn-văn-Tổ, Tiên-Đàm,
Nhật-Nham...

Phóng-văn cổ ông Nghè của Phạm
Mạnh Phan ;

Thơ của Ngân-Giang, Văn-Đài,
Trúc Khê, Giản-Chi, Gách-Chi v.v.

Một đề nghị...

(Tiếp theo trang 2)

những văn thơ nôm của hầu đề lại, thấy khác hẳn với giọng văn trong bản dịch *Chinh phụ ngâm* thì nay cũng chưa dám quả quyết rằng bản dịch bắt đầu bằng câu « *thuốc, giới đất rồi con gỏi bùi* » là của hầu được.

Nếu dùng quen đi thì rồi đây những chữ thị và hầu ấy cũng sẽ thành những tiếng rất nhẽ. Mà ta sẽ tránh được sự bất bình đẳng trong cách xưng hô. Vì nếu kêu Đoàn thị Diễm là bà và gọi Phan Huy Ích là cụ thì nghe nó vẫn thế nào ấy, bởi chúng đối với Phan Đoàn là bậc tiền bối; vậy sao nay lại tôn xưng một người sinh sau là cụ mà gọi một bậc tiền bối là bà?

Còn đối với người đồng thời, ta nên theo cái lối kêu « họ » mà thêm chữ « quân » ở dưới (như Nguyễn-quân, Ngô-quân, v. v.), thiết tưởng cũng nhẽ. Nếu một

đôi khi gặp phải trường hợp hai người cùng họ thì ta cũng có thể liệu cách mà tránh sự n.ạu lẫn: hoặc kêu-thêm chữ đệm, hoặc gọi thẳng cả tên.

Kính lờm tất nhắc lại:

Từ những trường-hợp đặc-biệt không kể, ta nên dùng thị và hầu để kêu người đã quá cố; dùng họ để gọi người đồng thời; như vậy có lẽ sẽ gây được tình thân ái nhất trí trong khi viết và bớt được sự bất bình đẳng trong cách xưng-hô.

Còn những ông, bà, cụ, ngoài biến-lệ cần dùng đối với những người đang sống hoặc đã mất, chỉ nên dùng trong lúc hội đàm mà thôi.

Nhưng điều chế vầu tự không phải là quyền riêng của một người hay của một đoàn thể. Sự đó cốt ở đại chúng thừa nhận.

Tình thần quân nhân

(Tiếp theo trang 5)

chẳng qua mười ngày là xong việc » (3).

Quân sĩ nghiêm chỉnh kéo ra Bắc, theo đúng như nhời nói, việc làm của nhà vua thân mặc giáp, cưỡi voi làm đại tướng cho nên quét một trận, trong khoảng 10 ngày, mà quân Thanh tan vỡ.

Cái cơ toàn thắng một phía ở chiến lược của chủ帥, nhưng ta không phải nhớ ở cả tình thế quân đội đó sao!

Xem thế thì biết tình thần quân nhân Việt-nam thời nào cũng có lúc nào cũng có Người phẫn chí về binh bị cần phải thân-trọng chờ nên phán đoán với vàng chỉ làm một trò cười cho những thừa gả.

TIỀN ĐAM

(3) coi Quang Trung lập II của

H. B. Hoa Bằng.

Đã có bán:

Câu chuyện văn học

của Thiệu-Sơn Giá: 4\$00

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng lặng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn *Câu chuyện văn-học* gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiệu-Sơn đã nói trên đài vô tuyến-diện Saigon, đã được « Chính-Phủ Đệng-Dương công-nhận là tuyệt-tác, mà cả dân-chúng Đệng-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan
Tức Hoa, Mai, số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0\$50

NHA XUẤT-BAN CÔNG-LỰC

N° 8 Rue Takou — Hanoi

TU SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành:

VĂN-CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI

của Lương-dức Thiệp Giá: 2\$50

Nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thoại — tình cách dân-cấp trong văn-học Việt-Nam — xu-hướng xã-hội trong văn học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN:

KHÔNG GIAO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghien - của Nguyễn uyển Diễm

VIẾT VÀ SỐNG

của Nguyễn anan Hạp

Còn một ít:

MẸ TÔI gia đình liền thuyệt

của Nguyễn khắc Mẫn Giá: 3\$80

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN

của bà Mộng Sơn Giá: 2\$50

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cựu

« Khiếu nhân tống An-Tử tống-chúa
vạ Thôn(-Hoàn, dục thư quốc mìn dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hỏa miễn thân

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Số 11

Vua Thiệu-Bảo đở Đại-vương và nói:

— Quốc ở g không phải giữ lỗ.

Lòng vua đã trở lại bình tĩnh như thường. Quốc-công như cỗ máy quay của kỳ ới. Giữa lúc mọi người hoang mang, lo ngại và chán nản. Đại-vương đem lại một nguồn nghị lực dồi dào. Lòng tin đã bị lung lay trong thâm tâm vua nay đã gần như chôn vùi. Chiêu thành vương tức mắt như Quốc-công: Đại-vương như tất cả dân ông họ T.án, người cao lớn, nhưng đặc biệt nhất là vai rất nở, mặt rất tinh, tuổi già càng thêm quý giá. Vương đã nhiều lần gặp Quốc-công, nhưng không bao giờ thấy vị đồng, nhưng đẹp và khôi vĩ như thế. Có lẽ trường tranh chiến ác liệt đã làm rạn tâm can, và mài rũa thêm lòng tài sản của Đại-Vương.

Quốc-công tâu:

— Đề cho Quan-bia phải nhọc thân, lão phu thực mang tội chết.

Vua nói:

— Quốc-công trăm nghìn việc không mỗi lúc rồi quân sĩ được, đáng lẽ thì trăm phải đến Vạn, kiếp mới phải.

— Quốc-gia không luận tội là may. Lão phu thân làm đại tướng, mà đến nỗi hao binh tổn tướng, bỏ thành mất đất, thực là hổ thẹn vô cùng. Chẳng hay Quan-gia với lão-phu đến có việc gì?

— Trẫm thấy nội thế giặc mạnh, lo lắm. Không phải quân ta không cố sức, tướng sĩ không tận tâm, nhưng chỉ vì quân giặc quá nhiều, lại thạo nghề tranh chiến, mấy bữa nay, lòng trẫm lại càng thương cảm. Trẫm nghe: « Tránh đất cướp quyền, giết người dấy gọi đồng nội. » Dân ta có tội tình gì, nghĩ đến kẻ cha mẹ không người nương tựa, trẻ thơ toàn một lũ mồ côi, trẫm ái ngại lắm. Huống chi họ ta lên làm vua, ăn thuế chưa đủ đủ cao thiên hạ, mà bắt bách tính làm than cơ cực như thế này trẫm càng không nỡ...

Ngập ngừng một lát, vua hỏi tiếp:

— Hay là trẫm hãy tạm hàng đi đã rồi sẽ liệu sau...

Vị Đại vương mà tất cả biến cố trong đời đều không làm rung chuyển được lòng, nghề vua nói đến đây cũng hơi biến sắc mặt. Quốc-công nhìn vua, lâu lâu chậm rãi nói:

— Quan-gia hồi thế thực là lời nhân đức, nhưng còn lòng niếu xả tác thì sao?

‘Lời nói thắm thía xỏ cang, Hội chuyên giọng, Quốc-công trự khan, quý xuống, cật lợi kháng khác tập rằng:

— Quan-gia muốn hàng, xin rước hết chém đầu lão phu đi đã.

Giọng Quốc-công đã hay, lời Quốc-công lại mạnh, câu nói danh thép đầy ự tin, như dội một luồng sinh khí vào ông vua Léo hơn vì do dự. Bao nhiêu lòng hoài nghi tan hết, vua như chợt sáng tỉnh một cơn mê. Vua nâng Đại vương dậy, lén thổ vì lời nói Léo nhất và bất lịch sự của mình. Tất cả những người đứng chung quanh ngáy ngủ vì cần đáp trả rõ, nhìn cả vào Quốc-công, lòng dâng hương kính ái, và mạch máu cồn cuộn say sưa phải ăn đấu. Tiếng đáp còn quện trong gió mây. Chiêu-Thành vương cũng ngạc nhiên vì câu nói bất ngờ của vua Thiệu-Bảo, chẳng lẽ bạn thấy rồi lén của vua. Chẳng có cảm tưởng rằng khi ấy Quốc-công là trộm. Ló được đầu được. Ngay trong lòng chàng những tro tàn chân nản cũng biến thành những than hồng tin tưởng.

Vua nói:

— Trẫm hơi đã làm phiền Quốc-công. Chỉ vì trẫm quá lo và thương dân, nên mới có ý quay hàng. Xin Quốc-công lượng cho, Hưng-dạo nói:

— Quan-gia lo là phải lắm. thương là phải lắm, nhưng lão phu liệu thế giặc, xem tình nước, non sông chưa đến nỗi nào. Quân giặc có được, quân ta dễ thua, đất đai cơ mầu, tướng sĩ có nản đàn tâm sự trước, tình thế có nghiêm trọng, nhưng những cái

độc lập là bề ngoài và nhất thời. Nội tình của ta vẫn vững vàng và thực lực của ta có thể nại cứu. Quân Nguyễn như quả độc, nhưng con sâu đã đục sẵn ở trong, riêng vì sự bại thiệp sơn xuyên, dài tải nặng nề, cũng đã yếu rồi. Còn quân ta như quả đương chín, mới trông còn xanh, có nhận rõ mới biết nhựa sống rất nhiều.

Rừng một việc cử quốc đồng tâm, tướng sĩ một lòng phò tá, dù đủ đuôi gạc rồi. Đó là cái thế, chẳng sau này, sao ta lại nỡ phụ ý dân đề thuộc tiếng xấu cùng thiên hạ? Và lại, giữ được thì có gì còn thúc thủ bỏ đi thì mất không bao giờ lấy lại được. Mà trông việc đánh nhau, người thắng không cần khổ mà kẻ phải đánh Quan-gia chắc còn nở gương Cao Tổ nhà Hán vậy. Đến như việc thương dân, lòng từ-bi của Quan-gia, lão phu thực không

sánh kịp. Nhưng chỉ nghĩ: thương dân không cứ phải thương kẻ đương thời, còn phải thương đến con cháu về muôn đời sau nữa.

Đó là suy rộng mà nói đó thôi. Thực ra tình thế vẫn vững. Lão phu về Vạn-kiếp, quân ta cũng chỉ còn nhiều, lại mới khổ quân mới tất cả được 10 vạn quân. Kể cả số quân đóng ở kinh thành và các nơi, tổng số trên lại hơn vạn, còn đủ tranh hùng cùng rợ dữ, bảo vệ xã tắc, đã có điều chi đáng ngại, cứ xin Quan gia cứ yên tâm. Việc đối ngoại rồi sẽ nghĩ được. Lão-phu quyết không phụ lòng ủy thác của Quan gia, và lòng dân tin cậy. Lão phu đã có mưu đuôi gạc.

Lòng vua thật chặt, đến đây hoàn toàn cởi mở. Vua cảm thấy một nguồn vui mệnh mang tràn ngập lòng, vô cùng êm dịu. Tất cả những khó khăn đều có thể

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được:

1) VẤN CHUÔNG VÀ XA HỘI của Lương Đức Thiệp — Đại học thư xữ xuất bản — giá 2\$50.

2) NỮA ĐÊM truyện thôn quê của Nam Cao — Công lý xuất bản — giá 2\$00

3) HẢI BÀ TRUNG KƯNG GIẢ của Nguyễn Lê My biên khảo — Đại học Văn Mới số 40-41, của Hàn Nguyên — giá 5\$00.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

TRẦN TÂN

san phẩm được, trong ý vua. Mọi việc mấy bữa nay đều rầu ròi, nhiên trở nên tươi tỉnh, lời nói biến thành mạnh mẽ!

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỜNG

MUON CON HIEN, CHAU THAO
TRONG NHÀ PHAI CỎ SÁCH

VĂN HIẾU-KINH

(có nguyên-văn chữ Hán)

Giá: 1 \$ 20

ĐA CỐ BẢN

Du-Thuyết yếu-thuật	3 \$ 80
Lịch-sử Báo-Chí	2 \$ 00
Nghệ-thuật và danh giáo	2 \$ 50
Phụ-nữ Việt-Nam xưa	2 \$ 50
Khổng-Tử học-thuyết I	4 \$ 50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5 \$ 00

QUỐC-HỌC

HU-XA HANOI XUẤT BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn:

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm Xuân, Đồ phòng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

Bình dịch Pháp văn của Hoàng hữu Xứng

ĐẠI HỌC

Bình-phần cuốn này, Cố Cad'ere đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phu-ngâm, tập Lục súc tranh công còn tự nhiên, phổ thông và có lẽ « an-nam » nhiều hơn cả. » dày 150, trang khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và rất đẹp tranh ảnh.

Mỗi cuốn bán thường 500 đồng 050
bán giấy Đại là 1200 đồng 1\$00

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Mới xuất bản

KINH DỊCH

một bộ sách cổ nhất Đông Phương
là nhất nhân loại /

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

Giấy thường 30\$00

Giấy Dà (hộp lụa) 75, 00

Giấy Bạc lamination châu (hộp gấm) 200,00 (hết)

tiêm cước gửi 5, 00

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LINH - Hanoi



TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIỂU DAN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4 \$ 00

CÁC BẠN NGÀY 10 10-1944
ĐÓN ĐỌC SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẠC THẮNG CỦA
TƯ TRÀO TÂN-VĂN-HÓA

Hàng tuần phát hành 71 Tiên Sơn Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

Sách vở

đã có bản

LÒ. G VÀNG

Ed de Amicis soạn Hài Hạc dịch một quyển
giáo khoa, đào luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách quý này có một cái
số cảm hóa to lớn... »

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy
(Thanh-nghị số 76 ngày 26 7-1944)

Giá 4\$00 cước 0 80

ĐỜI ĐOÀN THÈ

đang in

Hải Tùng soạn

một cuốn « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc.
« Chủ đích là muốn đề xướng một vấp-đề mà
người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn
trong buổi canh tranh này... »

Giá 2 \$ 00 cước 0.80 trích lời nói đầu của Tác-giả.

Vì nào muốn biết nội-dung sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa-chỉ và 0-10 tem về

QUẢNG VẠN THÀNH « Nội-Hóa » - một năm bình dân 1926

Phố Lê Lợi số 16 Baños

Phố Doumer - 51 Hai phòng

Phố Yên Lưu Kinh môn Haiduong

đã có

Hàng hóa

ÁO ĐI MƯA ÍCHLAN

Đang lựa tã; sơn ta mười mấy năm kinh-nghệm,
nhiều chứng-thư ngợi khen,

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

mọi chỗ

VẢI ĐAY SƠN

màu giả da (simili-cuir)

dùng để may áo mưa rất làm mũ xe áo tời cánh
gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHẮM TRUYỀN THẦN

Giống như hạt, đẹp tuyệt trần thật là một công-

nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh-kịp.

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Pông-Phượng

Imp. Tri-Tân 95-97 Chaochaum, Hanoi